

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

KHOA LỊCH SỬ



TRẦN THỊ THÚY HẰNG

**CHÙA LONG ĐỌI SƠN (DUY TIÊN, HÀ NAM)
TỪ THẾ KỈ XII ĐẾN NĂM 2018**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam

HÀ NỘI - 2019

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

KHOA LỊCH SỬ



TRẦN THỊ THÚY HẰNG

**CHÙA LONG ĐỌI SƠN (DUY TIÊN, HÀ NAM)
TỪ THẾ KỈ XII ĐẾN NĂM 2018**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam

Người hướng dẫn khoa học

TS. NINH THỊ SINH

HÀ NỘI - 2019

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới TS. Ninh Thị Sinh, Phó khoa lịch sử Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, đã trực tiếp hướng dẫn và giúp đỡ tôi hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này.

Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các thầy, cô giáo đã giảng dạy suốt khóa học, đã trang bị kiến thức và hướng dẫn tôi trong thời gian học tập và nghiên cứu tại trường.

Tôi xin cảm ơn lãnh đạo các cơ quan Sở văn hóa tỉnh Hà Nam, Thư viện tỉnh Hà Nam, Bảo tàng tỉnh Hà Nam, Ủy ban nhân dân xã Đọi Sơn và thầy trụ trì chùa Long Đọi Sơn đã tạo điều kiện cho tôi hoàn thành công việc của mình.

Hà Nội, ngày 11 tháng 05 năm 2019

Sinh viên

Trần Thị Thúy Hằng

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, dưới sự hướng dẫn của cô giáo, TS. Ninh Thị Sinh.

Tôi xin cam đoan những kết quả nghiên cứu của khóa luận chưa từng được công bố ở bất kỳ một công trình nghiên cứu nào, đó là một kết quả đúng nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Hà Nội, ngày 11 tháng 05 năm 2019

Sinh viên

Trần Thị Thúy Hằng

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề	2
3. Mục đích, nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu.....	3
4. Nguồn tư liệu và phương pháp nghiên cứu.....	3
5. Đóng góp của khóa luận.....	4
6. Bố cục khoá luận	4
Chương 1: LỊCH SỬ CHÙA LONG ĐỘI SƠN (DUY TIÊN – HÀ NAM)	5
1.1.. KHÁI QUÁT VỀ XÃ ĐỘI SƠN (DUY TIÊN-HÀ NAM)	5
1.1.1. Điều kiện tự nhiên và dân cư	5
1.1.1.1. Điều kiện tự nhiên.....	5
1.1.1.2. Dân cư	7
1.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội.....	7
1.1.3. Lịch sử xã Đội Sơn.....	8
1.2. LỊCH SỬ CHÙA LONG ĐỘI SƠN	10
1.2.1. Thời điểm xây dựng chùa Long Đội Sơn.....	10
1.2.2. Trùng tu, tôn tạo chùa Long Đội Sơn	12
1.2.3. Các vị trụ trì chùa Long Đội Sơn	14
Chương 2: KIẾN TRÚC VÀ LỄ HỘI CHÙA LONG ĐỘI SƠN	17
2.1. KIẾN TRÚC CHÙA LONG ĐỘI SƠN.....	17
2.1.1. Toàn cảnh chùa	17
2.1.2. Bài trí tượng thờ trong chùa.....	20
2.1.2.1. Tượng Phật trong chùa.....	20
2.1.2.2. Nhân vật lịch sử được nhân dân tôn thờ ở chùa Long Đội Sơn.....	20

2.1.3. Cổ vật trong chùa	24
2.1.3.1. Bảo vật quốc gia: Bia Sùng Thiện Diên Linh	25
2.1.3.2. Tượng Kim Cương	26
2.1.3.3. Tượng đầu người mình chim (Kinari).....	27
2.1.3.4. Pho tượng Phật Di Lạc bằng đồng	28
2.1.3.5. Những mảng gốm trang trí kiến trúc.....	28
2.2.1. Lễ hội truyền thống chùa Đọi Sơn	30
2.2.1.1. Thời gian, không gian, địa điểm diễn ra lễ hội	30
2.2.1.2. Chuẩn bị lễ hội	31
2.2.1.3. Diễn trình lễ hội	31
2.2.1.4. Một số trò hội tiêu biểu	33
2.2.2. Lễ hội Tịch điền Đọi Sơn.....	38
2.2.3. Giá trị của di tích lịch sử văn hóa Long Đọi Sơn tự	39
2.2.3.1. Giá trị về lịch sử - văn hóa	39
2.2.3.2. Giá trị về tôn giáo- tín ngưỡng.....	41
2.2.3.3. Giá trị về kiến trúc, nghệ thuật.....	42
2.2.3.4. Giá trị văn hóa phi vật thể.....	43
2.2.3.5. Giá trị về du lịch.....	44
KẾT LUẬN	46
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	48
PHỤ LỤC	

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Lịch sử địa phương là một phần của lịch sử dân tộc. Vì vậy việc tìm hiểu lịch sử của mỗi địa phương sẽ góp phần làm sáng tỏ lịch sử dân tộc. Hà Nam, gần trung tâm đồng bằng châu thổ sông Hồng vốn là một vùng đất cổ và là một vùng. Bởi thế nơi đây vừa có nét văn hoá chung của vùng vừa có những nét riêng của văn hoá cư dân vùng trũng quanh năm ngập úng. Chính điều đó đã tạo nên một sắc thái văn hoá độc đáo. Khi nói đến Hà Nam người ta nghĩ ngay đến chùa Long Đọi Sơn, nơi vốn được coi là một trung tâm văn hoá truyền thống của nhân dân Hà Nam. Chùa Long Đọi Sơn, tên chữ là Diên Linh tự thuộc xã Đọi Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Chùa không chỉ là một danh thắng nổi tiếng, mà còn là một trung tâm tôn giáo của trấn Sơn Nam xưa. Quần thể di tích danh thắng Đọi Sơn ngày càng khẳng định được những giá trị lịch sử, văn hóa và du lịch to lớn, làm nổi bật biểu tượng của quê hương núi Đọi, sông Châu trên bản đồ Hà Nam. Chính vì thế, chùa Long Đọi Sơn là một trong 10 di tích của cả nước được Thủ tướng Chính phủ quyết định xếp hạng *Di tích quốc gia đặc biệt* vào tháng 12/2017.

Lễ hội chùa Long Đọi Sơn hàng năm được tổ chức chính vào ngày 21 tháng 3 âm lịch đã thu hút đông đảo nhân dân trong vùng và du khách cả nước tham dự. Du khách về Hà Nam hành hương lễ Phật tham quan văn cảnh chùa, tìm hiểu di tích, lịch sử, chiêm ngưỡng vẻ bề thế của ngôi chùa và thưởng thức vẻ đẹp sơn thủy hữu tình của thiên nhiên. Lễ hội chùa Long Đọi Sơn được tổ chức vào ngày giỗ Hòa thượng Thích Chiếu Thường để tưởng nhớ tới vị thiền sư có công trùng tu, tôn tạo chùa. Không những vậy Long Đọi Sơn còn là nơi tưởng niệm những người có công với đất nước cũng như có công xây dựng ngôi phạm tự như Lý Thường Kiệt, Lý Nhân Tông, Nguyên phi Ý Lan, mẫu Liễu Hạnh... Chính vì thế quần thể di tích chùa Long Đọi là nơi thể hiện đạo lý “*uống nước nhớ nguồn*”, một truyền thống quý báu của dân tộc ta, vừa là môi trường để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa cho thế hệ trẻ.

Nghiên cứu về chùa Long Đọi Sơn sẽ góp phần giáo dục tư tưởng, tình cảm, truyền thống tốt đẹp của nhân dân địa phương đối với thế hệ trẻ. Bên cạnh đó, nghiên cứu về chùa Long Đọi Sơn với tư cách là một biểu tượng tiêu biểu của văn hoá Hà Nam còn góp phần giữ gìn bản sắc văn hoá truyền thống tốt đẹp của cư dân vùng đồng bằng sông Hồng. Trong giai đoạn hiện nay, khi đất nước tiến hành mở cửa, với sự du nhập mạnh mẽ của văn hóa ngoại quốc bên cạnh những mặt tích cực

còn có những ảnh hưởng tiêu cực làm xói mòn phong tục, truyền thống của dân tộc, Đảng và Nhà nước rất quan tâm đến vấn đề gìn giữ những di sản văn hoá dân tộc. Nhiều vấn đề được đặt ra trong đó có vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử-văn hoá và danh lam thắng cảnh vì sự phát triển bền vững của đất nước. Nghiên cứu về chùa Long Đọi Sơn không những góp phần tìm hiểu lịch sử, truyền thống của địa phương mà còn phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân trong vùng và hoạt động du lịch của địa phương trong sự nghiệp phát triển đất nước hiện nay.

Nhận thức rõ vị trí, tầm quan trọng của lịch sử địa phương, tôi đã chọn vấn đề “*Chùa Long Đọi Sơn (Duy Tiên, Hà Nam) từ thế kỷ XII đến 2018*”, làm đề tài tốt nghiệp khoá luận của mình, chuyên ngành Lịch sử Việt Nam.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Chùa Đọi Sơn là đề tài được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Có thể kể tới một số công trình tiêu biểu như: *Long Đọi Sơn từ xưa và nay* do NXB Văn hóa Sài Gòn và Công ty văn hóa trí tuệ Việt phát hành năm 2005; *Danh thắng chùa Đọi* (Lương Hiền, 2001); *Lịch sử chùa Long Đọi Sơn* (Trần Duy Phương, 2004), ... Công trình thứ nhất, là một cuốn sách khổ nhỏ, tập hợp 7 bài viết, giới thiệu về chùa Long Đọi ở các khía cạnh như *Bia chùa Đọi Sơn*, những dấu mốc quan trọng về lịch sử chùa cùng nhiều bài thơ ca ngợi núi Đọi sông Châu. Công trình thứ hai giới thiệu về vị trí, địa hình, thế đất, quá trình hình thành và phát triển của chùa Đọi, các vị sư trụ trì, thơ ca, văn bia của chùa Đọi. Ý nghĩa kinh tế, văn hóa, du lịch của chùa Đọi. Công trình thứ ba, giới thiệu di tích lịch sử chùa Long Đọi Sơn với kiến trúc xây dựng và các đời sư trụ trì.

Bên cạnh các công trình kể trên, chùa Đọi Sơn cũng được đề cập tới trong nhiều bài viết đăng trên tạp chí Sông Châu. Tiêu biểu như *Chùa Đọi Sơn* của Trần Đăng Ngọc (số 1-1997); GS Trần Quốc Vượng có bài: *Địa linh nhân kiệt Hà Nam; Hà Nam ngũ sắc* của Lương Hiền, *Kí ức Sông Châu* của Phương Thủy (số 1-1997) và một số bài viết khác. Ngoài ra, trên Website của Hà Nam cũng có trang giới thiệu cho độc giả về di tích chùa Đọi... nói khá rõ về sự tích và kiến trúc chùa Đọi Sơn.

Mặc dù chùa Long Đọi Sơn đã được nghiên cứu ở nhiều khía cạnh khác nhau nhưng chưa có một công trình nào nghiên cứu toàn diện, hệ thống về chùa Long Đọi Sơn.

3. Mục đích, nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Thực hiện đề tài này chúng tôi mong muốn khôi phục bức tranh toàn diện về chùa Long Đọi trên các mặt: lịch sử, kiến trúc, lễ hội... cùng những giá trị văn hóa của một ngôi cổ tự linh thiêng trên mảnh đất quê hương Hà Nam. Từ đó, góp phần giáo dục ý thức gìn giữ, bảo tồn những công trình kiến trúc, những giá trị tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống của dân tộc đối với thế hệ trẻ.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, đề tài tập trung giải quyết các nhiệm vụ sau:

+ Khái quát điều kiện tự nhiên và dân cư, điều kiện kinh tế- xã hội, lịch sử của xã Đọi Sơn.

+ Phác họa quá trình hình thành và các giai đoạn trùng tu, tôn tạo chùa Long Đọi Sơn, quy mô và kiến trúc chùa qua các giai đoạn lịch sử khác nhau, bài trí tượng Phật, di vật cổ trong chùa.

+ Tìm hiểu về lễ hội chùa Long Đọi Sơn từ đó rút ra các giá trị lịch sử-văn hóa, tôn giáo-tín ngưỡng, kiến trúc, du lịch của di tích.

3.3. Phạm vi nghiên cứu

+ Phạm vi không gian: không gian văn hóa chùa Long Đọi Sơn trên địa bàn xã Đọi Sơn, huyện Duy Tiên, Hà Nam.

+ Phạm vi thời gian: từ khi chùa được xây dựng cho đến nay (2018)

4. Nguồn tư liệu và phương pháp nghiên cứu

4.1. Nguồn tư liệu nghiên cứu

Để hoàn thành khoá luận tốt nghiệp, chúng tôi đã sử dụng ba nguồn tư liệu chính:

+ Tư liệu gốc gồm các bộ chính sử như: *Đại Việt sử kí toàn thư* (Ngô Sĩ Liên), *Đại Nam thống nhất chí* (Quốc sử quán Triều Nguyễn), *Lịch triều hiến chương loại chí* (Phan Huy Chú), *Việt Sử lược* (Trần Quốc Vượng), bản dịch các văn bia trong chùa, ...

+ Tài liệu thứ cấp gồm các tác phẩm, các bài báo viết về chùa Đọi Sơn.

+ Tài liệu điền dã: chụp ảnh chùa, phỏng vấn sư trụ trì và các vị bô lão

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Về phương pháp nghiên cứu: trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, người viết sử dụng kết hợp phương pháp lịch sử và phương pháp phân tích để thực hiện đề tài. Phương pháp lịch sử để tái hiện lại quá trình xây dựng và phát triển của chùa, phương pháp phân tích được vận dụng để tìm hiểu các giá trị văn hóa cũng như vai trò của chùa Long Đọi. Ngoài ra chúng tôi còn sử dụng một số phương pháp khác như điền dã, phỏng vấn sâu... Chúng tôi đi điền dã chùa Long Đọi, phỏng vấn sư trụ trì cũng như các cụ bô lão trong làng.

5. Đóng góp của khóa luận

Đề tài góp phần giáo dục tư tưởng, tình cảm, truyền thống tốt đẹp của dân tộc cũng như ý thức gìn giữ, phát huy những di tích của ông cha, phục vụ sự nghiệp xây dựng quê hương giàu đẹp trong thời kỳ hội nhập.

Bên cạnh đó, đề tài cung cấp thêm tư liệu cho việc giảng dạy lịch sử địa phương ở các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh Hà Nam cũng như giảng dạy, nghiên cứu về lịch sử Phật giáo Hà Nam.

6. Bố cục khoá luận

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, khoá luận được kết cấu thành 2 chương:

Chương 1: Lịch sử chùa Long Đọi Sơn (Duy Tiên-Hà Nam)

Chương 2: Kiến trúc và lễ hội chùa Long Đọi Sơn

Chương 1

LỊCH SỬ CHÙA LONG ĐỘI SƠN (DUY TIÊN – HÀ NAM)

1.1.. KHÁI QUÁT VỀ XÃ ĐỘI SƠN (DUY TIÊN-HÀ NAM)

1.1.1. Điều kiện tự nhiên và dân cư

1.1.1.1. Điều kiện tự nhiên

Chùa Long Đội Sơn, tên chữ là Diên Linh tự còn được gọi là chùa Long Đội, chùa Đội Sơn, hiện nay thuộc xã Đội Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Xã Đội Sơn nổi tiếng với lễ hội *Tịch điền* diễn ra vào tháng Riêng (âm lịch) hàng năm. Chùa Long Đội là một trong những danh thắng nổi tiếng nhất của tỉnh Hà Nam cùng với núi Đội cùng với sông Châu Giang (núi Đội - sông Châu).

Đội Sơn nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa có đặc điểm nóng ẩm, mưa nhiều, là nơi gió mùa đông bắc và đông nam hoạt động mạnh. Nhiệt độ trung bình hàng năm khá cao khoảng từ 23-24°C, lượng mưa là 1900 mm, độ ẩm 85%, giờ nắng là từ 1300-1500h/năm. Nền nông nghiệp phát triển đa dạng với nhiều loại cây trồng, vật nuôi và có điều kiện tốt trong việc thâm canh tăng vụ bởi đặc điểm nhiệt đới gió mùa, nắng và bức xạ mặt trời. Tuy nhiên, một số vùng địa hình thấp có hiện tượng ngập úng do thời tiết biến động mạnh như bão, dông, lượng mưa tập trung theo mùa ... vì vậy đòi hỏi phải có biện pháp phòng tránh kịp thời. Những năm gần đây vùng này đã hạn chế xảy ra tình trạng ấy. Dòng Châu Giang ở đoạn đầu qua Duy Tiên đã cắt mình để ngăn lũ ở cửa Tuần Vương nên đoạn sông dưới đó có tên là Tắc Giang.

Có một quả núi nằm giữa trung tâm xã Đội Sơn cao khoảng 90m với diện tích 23,9 ha nằm giữa vùng đồng bằng bát ngát lúa ngô. Thiên nhiên đã ban tặng cho người dân nơi đây kỳ quan đẹp đẽ này. Tín ngưỡng dân gian từ lâu đã coi Đội Sơn là trái “*núi thiêng*”. Thuyết phong thủy cho rằng nơi đây là đất phát nghiệp bá vương: “*Đầu gối núi Đội, chân dọi Tuần Vương, phát tích đế vương, lưu truyền vạn đại*”. Đứng trên đỉnh núi phóng tầm mắt ra xung quanh sẽ thấy một bức tranh khung cảnh khoáng đạt, nên thơ, có cánh đồng lúa, bãi ngô, ruộng khoai, chân núi có dòng Châu Giang quanh co lượn khúc như dải lụa đào uốn quanh.

Về đất đai, là một xã thuộc đồng bằng Bắc bộ lại gần các con sông lớn nên vùng đất nơi đây giàu phù sa màu mỡ. Xã Đội Sơn có diện tích 7,52 km². Tổng diện

tích đất hành chính của xã là 611,48 ha. Trong đó, đất nông nghiệp là 435,13 ha; diện tích thổ cư là 35,47 ha và diện tích canh tác là 375,75 ha. Đây là những điều kiện thuận lợi cho xã Đọi Sơn phát triển nông nghiệp. Núi ở đây chỉ trồng được chè xanh và một số cây gỗ nhỏ do núi nhỏ lại là núi đất lẫn đá. Khí hậu nơi đây thuận lợi cho việc phát triển trồng trọt để đảm bảo cuộc sống no đủ cho con người. Có thể nói Đọi Sơn là một mảnh đất trù phú. Phía Đông của xã có con sông Châu chảy qua hàng năm đã bồi đắp một lượng phù sa đáng kể nên đất đai ở đây rất màu mỡ. Bãi dâu ven sông Châu quanh năm tươi tốt nổi tiếng được mọi người biết đến về nghề trồng dâu nuôi tằm cổ truyền.

Về địa hình, Đọi Sơn có địa hình đặc trưng của vùng đồng bằng thuộc khu vực châu thổ sông Hồng. Địa hình của huyện chia thành 2 tiểu địa hình. Nơi có địa hình cao là vùng ven đê sông Hồng và sông Châu Giang gồm các xã Mộc Bắc, Mộc Nam, Châu Giang, Chuyên Ngoại, Trác Văn, Yên Nam, Đọi Sơn..., đặc biệt là khu vực núi Đọi, núi Điệp thuộc các xã Đọi Sơn và Yên Nam.

Về sông ngòi, sông Châu Giang trước đây được gọi là sông Thiên Mạc, là con đường thủy nối giữa sông Nhị Hà (sông Hồng) và sông Ninh Nguyệt (sông Đáy), con đường thiên lý, một con đường cổ thông thương Bắc - Nam đã từng có một nhánh chạy qua xã Đọi Sơn để theo đường lên Phó Hiến đến Thăng Long. Con đường này từng gắn bó với những chiến công hiển hách của thời nhà Trần đánh giặc Nguyên – Mông trên đất Duy Tiên vào đầu thế kỉ XIII. Con đường này cũng chứng kiến cuộc hành quân thần tốc của nhiều triều đại tiến vào kinh đô Thăng Long để đánh tan quân xâm lược giành độc lập dân tộc. Ngày nay Châu Giang nhỏ hơn và đã lùi xa chân núi tiến về phía đông do trước đó đã có hiện tượng đổi dòng. Đất ngoài đê và đồng ruộng được bồi đắp một lượng phù sa lớn do sông Châu Giang. Các vùng đất trong xã được tưới tiêu bởi trên sông có cống điều tiết Điệp Sơn. Vào mùa mưa sông có nhiệm vụ tiêu nước nội vùng đổ ra sông Đáy và mùa khô có tác dụng cung cấp nước cho sản xuất. Khi mực nước của sông xuống thấp, đặc biệt vào mùa khô hạn thì còn có mạng lưới các sông ngòi nhỏ bổ sung và cung cấp như ao, hồ, đầm. Nhìn chung sông ngòi của huyện đều chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam và có mật độ khá dày đặc. Khả năng tiêu thoát nước ở đây chậm do địa hình bằng phẳng, độ dốc của các sông nhỏ. Khi vào mùa lũ lúc mực nước con sông chính lên cao cùng với mưa lớn sẽ gây ra ngập úng, ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống sinh hoạt của cư dân vùng địa hình thấp.

Nhìn chung xã Đọi Sơn được thiên nhiên ưu đãi nhiều điều kiện thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp phát triển, mưa thuận, gió hòa, cây cối tươi tốt. Có lẽ cũng chính vì vậy mà cách đây một nghìn năm, vua Lê Đại Hành đã chọn nơi đây để cày ruộng tịch điền nhằm khuyến khích nhân dân tích cực sản xuất.

1.1.1.2. Dân cư

Căn cứ vào các hiện vật đã tìm thấy ở xã Đọi Sơn như giáo, rìu, xéc, mũi lao, dao gặt, vòng đồng, đỉnh đồng... cùng với kết quả nghiên cứu khảo cổ học 5/1984 công bố trong cuốn sách *Nam Hà trên đường thắng lợi* có ghi: “trên núi Đọi, sông Châu đã phát hiện ra mộ cổ hình thuyền, loại hình mộ táng của người Việt cổ đầu công nguyên. Ba chiếc giáo, ba lưỡi rìu, hai mũi lao...có niên đại tương đương với những trống đồng đã phát hiện được ở thôn Thần Nữ - Lũng Xuyên” [17, tr.2]. Đó là những hiện vật tiêu biểu của nền văn hóa Đông Sơn là tinh thần, là sinh khí của người Việt cổ, bảo tồn nền văn hóa bản địa chống lại quá trình Hán hóa. Như vậy, mảnh đất Đọi Sơn cách đây khoảng 2500 năm đã có một bộ phận Lạc Việt đến làm ăn sinh sống. Trên mảnh đất Đọi Sơn những tên làng: Đọi Nhất, Đọi Nhì, Đọi Tam, Đọi Tín, Đọi Trung, Đọi Lĩnh, Sơn Hòa, Hòa Thịnh đều có những sự tích thần bí.

Truyền thuyết kể rằng, đức Thánh cả Cao Sơn Đại Vương đến đây khai hoang lập địa, sinh được 4 người con, trong đó có 3 người con trai và 1 người con gái, khi các con trưởng thành Người đã lập ấp riêng cho từng người. Đọi Nhất là người con cả, Đọi Nhì là người con thứ hai, Đọi Tam là người con thứ ba và người con gái là thôn Đọi Tín...

Vào năm 1900, dân số của tổng xã Đọi Sơn có 1167 người [5, tr.4]. Theo Bộ thông tin và truyền thông vào năm 1999, dân số của xã là 6256 người, có 1537 hộ và 6186 khẩu, mật độ dân số đạt 832 người/km² [5, tr.4]. Theo số liệu của tổng điều tra dân số năm 2017 xã có hơn 7000 người.

Cả xã 100% thành phần dân tộc là người Kinh, đều là dân bản địa không có dân nhập cư, không có gia đình nào theo Công giáo mà đều hướng về đạo Phật. Toàn xã có năm dòng họ chính: Đinh, Lê, Phạm, Trần, Bùi. Trong đó, lớn nhất là họ Lê.

1.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Xã Đọi Sơn nằm ở phía Đông Nam của huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, xã Đọi Sơn thuộc tổng Đọi Sơn, huyện Duy Tiên gồm 8 làng, xã, cụ thể: xã Đọi Sơn, làng Trung Tín, làng Đọi Lĩnh, làng

Đội Trung, xã Câu Tử, xã Thọ Cầu, xã Lê Xá, xã Dưỡng Mộng. Xã Đội Sơn khi đó có 3 thôn là Đội Nhất, Đội Nhì, Đội Tam. Sau này các làng Trung Tín, Đội Lĩnh, Đội Trung sát nhập vào với xã Đội Sơn. Hiện nay, về mặt hành chính xã gồm 7 thôn hợp thành. Đó là các thôn Đội Nhất, Đội Nhì, Đội Tam, Đội Trung, Đội Lĩnh, Đội Tín và Sơn Hà. Dân cư tập trung sinh sống xung quanh núi Đội có mối quan hệ gắn bó với nhau trong sản xuất kinh tế và các hoạt động văn hóa tín ngưỡng.

Xưa kia, dòng Châu Giang chính là con đường thủy quan trọng của xã. Mặc dù hiện nay sông Châu đã không còn giữ vai trò như xưa, nhưng giao thông đường bộ rất thuận lợi. Hai trục tỉnh lộ 9710 và 9711 được coi là trục giao thông huyết mạch nối Đội Sơn với các địa phương trong tỉnh cũng như với các tỉnh lân cận khác. Đây là một lợi thế thúc đẩy và giao lưu kinh tế-văn hoá của Đội Sơn. Đội Sơn là một trong những tỉnh đi đầu cả nước việc bê tông hoặc nhựa hóa các tuyến đường giao thông liên thôn liên xã... từ nhà ra cánh đồng đường nhiều nơi cũng được bê tông hóa.

Đội Sơn là một vùng nông nghiệp trù phú, phía Đông của xã là sông Châu Giang hàng năm bồi đắp cho khu vực ven sông một lượng phù sa màu mỡ. Cư dân trong xã sống chủ yếu bằng nghề nông, đất trồng lúa chiếm 80%, còn lại là đất màu: trồng dâu nuôi tằm, sắn, ngô, khoai, ngô, đậu các loại... Riêng làng Đội Tam có nghề thủ công truyền thống đó là nghề làm trống nổi tiếng trong cả nước. Ở các thôn rải rác còn có nghề mộc, nghề thêu ren... Ở trung tâm xã còn có chợ Đội, đây là nơi trao đổi các mặt hàng nông sản phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của nhân dân trong xã, trong vùng.

Ở Đội Sơn nhân dân đa phần tín ngưỡng đạo Phật và các tín ngưỡng dân gian khác.

1.1.3. Lịch sử xã Đội Sơn

Xã Đội Sơn thuộc huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Duy Tiên cũng như các huyện khác trong tỉnh Hà Nam, thời Trần thuộc Châu Ly Nhân, Lộ Đại La Thành (sau đó là Lộ Lợi Nhân). Dưới thời Lê sơ đổi tên là Duy Tân, đến đời Lê Kính Tông (1600-1619), do tên húy là Tân, mới chuyển sang gọi là Duy Tiên cho đến nay.

Năm 1741, trấn Sơn Nam được chia thành Sơn Nam Thượng và Hạ, phủ Ly Nhân thuộc trấn Sơn Nam Thượng. Năm 1831 dưới sự trị vì của vua Minh Mạng, thành lập đơn vị hành chính tỉnh, phủ, huyện, tổng, xã, thôn. Hà Nam lúc đó là Phủ Ly Nhân thuộc tỉnh Hà Nội. Ngày 20/10/1890 toàn quyền Đông Dương ra nghị định

thành lập tỉnh Hà Nam trên cơ sở toàn bộ vùng đất của Phủ Lý Nhân và 2 tổng của phủ Phú Xuyên, gồm 5 huyện: Kim Bảng, Duy Tiên, Lý Nhân, Bình Lục, Thanh Liêm và tỉnh lỵ Phủ Lý. Ngày 21/4/1965, tại kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa III, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ra nghị quyết số 103-NQ-TVQH, phê chuẩn việc lập tỉnh mới Nam Hà trên cơ sở xác nhập tỉnh Nam Định và tỉnh Hà Nam. Ngày 27/12/1975, tại kỳ họp thứ hai, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa V, đã ra Nghị quyết hợp nhất tỉnh Nam Hà và tỉnh Ninh Bình thành tỉnh Hà Nam Ninh.

Ngày 26/12/1991, kỳ họp thứ 10, Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VIII đã ra Nghị quyết phê chuẩn tách tỉnh Hà Nam Ninh thành hai tỉnh Nam Hà và Ninh Bình. Ngày 6/11/1996, kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa IX đã ra quyết định phê chuẩn tách tỉnh Nam Hà thành hai tỉnh Nam Định và Hà Nam. Ngày 1/1/1997, tỉnh Hà Nam đã được tái lập sau 32 năm hợp nhất với tỉnh Nam Định.

Nhân dân xã Đọi Sơn có truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái. Truyền thống này được phát huy cao nhất trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp dưới sự lãnh đạo của Đảng, lực lượng du kích ở Đọi Sơn thường xuyên có từ 120-150 người, đã chiến đấu 13 trận, diệt 19 tên địch, thu 15 súng, phối hợp chiến đấu 12 trận diệt 84 tên, bắt sống 51 tên, thu 120 súng và nhiều phương tiện chiến tranh khác. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp xã Đọi Sơn có 171 người đi bộ đội, trong đó có 26 chiến sĩ Điện Biên, trên 400 lượt thanh niên tham gia du kích, 75 người tham gia dân công hỏa tuyến, toàn xã đã đóng góp 315 tấn lương thực góp phần làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ [5, tr.6]. Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, tại xã đã được chọn xây dựng đài quan sát để chống chiến tranh phá hoại không quân, xã được chọn là địa điểm an toàn xây dựng căn cứ hậu cần, bệnh viện quân đội, đoàn an dưỡng của quân đội. Toàn xã có 200 gia đình và 45 Hội mẹ chiến sỹ chăm sóc nuôi dưỡng thương bệnh binh. Hội hiến máu có 250 người, từ 1965-1973 đã hiến hàng trăm lít máu cứu sống nhiều thương binh, trong kháng chiến chống Mỹ giải phóng miền Nam. Đọi Sơn có 777 thanh niên nhập ngũ, 29 thanh niên xung phong, trên 500 lượt dân quân tự vệ tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu. Nhân dân đã đóng góp 10300 ngày công đào đắp công sự, góp 30000 kg lương thực, 8500 kg thực phẩm, 3500 cây tre, 120m³ gỗ, lực lượng vũ trang xã đã chiến đấu và phối

hợp chiến đấu trên 100 trận, góp phần làm nên đại thắng mùa xuân năm 1975, thống nhất Tổ quốc [5, tr.6].

Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng bộ và nhân dân Đọi Sơn tiếp tục đoàn kết, phát huy truyền thống anh hùng, đẩy mạnh việc thực hiện các mục tiêu để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng an ninh và xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương vững mạnh. Đến năm 2005, toàn xã không còn hộ đói, giảm dần hộ nghèo còn 9%. Thu nhập bình quân đầu người đạt 4,5 triệu đồng/năm, 100% hộ gia đình được dùng điện, 90% gia đình có máy thu hình, 30% xây nhà mái bằng, 7/7 thôn có hương ước làng văn hóa [5, tr.6]. Cơ sở vật chất như điện, đường, trường học, trạm y tế khang trang theo chuẩn quốc gia. Cuộc sống vật chất tinh thần của người dân đã hoàn toàn đổi mới.

Với những thành tích trong hai cuộc kháng chiến và xây dựng chủ nghĩa xã hội năm 2005 xã Đọi Sơn được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân*.

1.2. LỊCH SỬ CHÙA LONG ĐỘI SƠN

1.2.1. Thời điểm xây dựng chùa Long Đọi Sơn

Chùa Đọi Sơn là một trong những ngôi chùa cổ được xây dựng từ thời Lý và đã được sử sách ghi chép rất cụ thể. Sách Đại Nam nhất thống chí cho biết vào thời vua Lý Nhân Tông, chùa và tháp Diên Linh được xây dựng ở xã Đọi Sơn, huyện Duy Tiên. Khi xây dựng chùa có bia ký khắc ghi: “Ở xã Đọi Sơn, Đông Nam huyện Duy Tiên.... Đời vua Lý Nhân Tông dựng chùa và bảo tháp Diên Linh có bài ký khắc bia” [17, tr.4]. Sách Lịch triều hiến chương loại chí cũng chép tương tự. Riêng Việt sử lược - một cuốn sách viết vào thời Trần ghi chép cụ thể hơn về thời điểm xây dựng chùa: “Năm Nhâm Dần hiệu Thiên Phù Duệ Võ năm thứ 3 (1122). Mùa xuân, tháng 2, bảo tháp Sùng-thiện diên-linh ở Đọi Sơn (huyện Duy-Tiên, Hà-nam) làm xong” [24, tr.129].

Theo sử liệu thành văn và các truyền thuyết có liên quan, chùa Đọi Sơn vốn là một am nhỏ tồn tại từ thế kỷ X-XI. Thời kỳ này, chùa gắn với tên tuổi của vị sư Đàm Cứu Chi, ông chính là người thay kiến trúc tranh tre nứa lá của thời trước để xây dựng một ngôi chùa bằng gạch ngói – một vật liệu bền vững hơn.

Triều Lý, Phật giáo giữ địa vị như quốc giáo cho nên nhà nước phong kiến lúc này rất chú ý đến việc xây dựng các công trình chùa chiền trên núi hoặc lấy núi làm chỗ dựa như chùa Phật Tích trên núi Lạn Kha, chùa Giạm trên núi Giạm, chùa

Quỳnh làm trên núi Tiên Du, tháp Chương Sơn trên núi Ngô. Đến thế kỷ XII, khi vua Lý Nhân Tông trên đường “Kinh lý” qua đây thấy cảnh sắc còn đó mà chùa đã bị đổ nát. Qua lời tâu bày của quần thần và cảm trước cảnh sắc hữu tình của tạo hóa, vua Lý Nhân Tông đã ra lệnh cho xây dựng lại chùa. Sự việc này đã được sử sách đặc biệt là bia ký ghi chép lại. Công trình bắt đầu xây dựng từ năm 1118 và hoàn thành vào năm 1121. Vua Lý Nhân Tông đích thân đến chùa Đọi để khánh thành và đặt tên cho chùa là Sùng Thiện Diên Linh. Để tỏ lòng tôn kính với nhà vua, nhân dân trong vùng đã gọi chùa là Long Đọi Sơn.

Như vậy trước năm 1119 khi vua Lý Nhân Tông đến thăm núi Đọi thì nơi đây đã có ngôi chùa Diên Linh đã được xây dựng rồi. Chắc chắn ngôi chùa này nhỏ bé, chùa Đọi Sơn do vua Lý xây dựng có cùng ở một thời điểm với chùa cũ không chưa rõ nhưng chùa Long Đọi Sơn do triều đình đứng ra xây dựng quy mô chắc chắn phải bề thế to hơn chùa Diên Linh.

Căn cứ vào nội dung tấm bia Sùng Thiện Diên Linh hiện còn ở chùa Đọi Sơn viết năm 1121 thì ngôi chùa này vào thế kỷ XII được xây dựng rất lớn. Hướng chùa “mặt chùa trông ra sông Kinh, gió lộng mặt sông như lụa biếc trải ra, lưng chùa quay về núi Điep, mưa tan dáng núi như gấm xanh thêm sáng” [19, tr.214].

Về quy mô, chùa gồm nhiều công trình lớn, tập trung gỗ ở trên rừng, thuê thợ mộc giỏi, dùng đá quý để làm đầu và dựng hiên. Đằng trước chùa là một cây tháp “xây mười ba tầng chọc trời, mở bốn mươi cửa hướng gió. Vách chạm rồng ô, xà treo chuông đồng. Tầng trên đặt hộp vàng xá lý, tỏa đường quang cho đời thịnh sau này. Đỉnh nóc xây tiên khách bung mâm. Tầng dưới chia tám tướng khôi ngô, đứng hộ vệ cho thần nhân cầm kiếm. Chính giữa đặt tượng Đa Bảo Như Lai” [19, tr.214]. Bên tả chùa dựng cung tứ giác, ở bên hữu là khảm nhọn vuông, đằng trước là sân rộng có bậc thềm để lên nhà bái đường, hai bên là hai dãy hành lang, xung quanh được xây dựng bảo vệ, dựng hiên để phô trương nổi các công trình. Phía ngoài bắc cầu mở rộng đường thôn, trồng bách thành hai dãy trước cửa dẫn lên chùa.

Trong quá trình xây dựng cũng như trùng tu, tôn tạo, nhà chùa nhận được công đức của nhiều Phật tử. Thái hậu Phù Thánh Linh Nhân cúng 72 mẫu ruộng ở xứ Mạn Đê thuộc hai xã Cẩm Trục và Thu Lãng huyện Cẩm Giàng phủ Thượng Hồng để làm ruộng đèn nhang và ngày 6 tháng 7 năm Tân Sửu niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ thứ 2 (tức 26-8-1121) được ghi ở mặt sau bia Sùng Thiện Diên Linh [17, tr.13].

Rất tiếc toàn bộ kiến trúc này đã bị tàn phá, hủy hoại khi quân Minh xâm lược và cai trị nước ta trong thời gian 1407-1427. Hiện nay ở chùa Long Đọi chỉ còn lưu giữ được những bộ phận kiến trúc và một số di vật thời Lý.

1.2.2. Trùng tu, tôn tạo chùa Long Đọi Sơn

Vào thời Lê, mặt sau của tấm bia Sùng Thiện Diên Linh (chữ to, ở chính giữa) còn lưu giữ bút tích của vua Lê Thánh Tông với bài thơ đề năm Quang Thuận thứ 8 (1467). Bài thơ này đã được Phan Huy Chú ghi chép lại trong *Lịch triều hiến chương loại chí*. Nội dung nói đến việc vua Lê Thánh Tông đến thăm chùa, khi đó chùa đã trở nên hoang phế bởi bàn tay phá hoại của giặc Ngô (Minh), tháp cao và bia to đều đã đổ nát. Trước cảnh tượng hoang tàn đó vua Lê Thánh Tông đã cho dựng lại bia và đề thơ vào mặt sau, trong đó có câu:

Lý hoàng quái đản bi không tại

Minh tặc hung tàn tự dĩ canh

Lộ thiếu nhân tung đài giáp lục

Sơn đa xuân vũ thiếu ngân thanh

Tạm dịch:

Hoang đường vua Lý bia còn đó

Tàn bạo quân Minh tháp khác xưa

Đường biếc rêu phong người vắng dấu

Núi xanh vệt cháy tiết nhiều mưa [17, tr.5]

Như vậy ta có thể thấy chùa - tháp Sùng Thiện Diên Linh bị quân Minh tàn phá trong khoảng 1407-1427. Tình trạng hoang tàn đổ nát của chùa kéo dài đến tận cuối thế kỷ XVI mới được trùng tu lại.

Theo văn bia ghi lại vào năm 1591 chùa đã bị hư hỏng nhiều. Quan đầu huyện Duy Tiên cùng dân làng các giáp trong thôn Đội Tín, Đội Trung, Đội Lĩnh,... đã cùng nhau góp sức lại dựng bia đổ bắc lại xà nhà và cho dựng lại tượng. Một tấm bia có hoa văn thời Lê, một mặt xây vào bức tường đổ phía sau chùa, nên không rõ niên hiệu, nội dung tấm bia có ghi: “*Diệu Liên chân nhân người xã Đội Trung huyện Duy Tiên phủ Lý Nhân cúng 27 quan tiền để sửa hai hành lang...*”[17, tr.6]

Đầu thế kỷ XX, dưới thời Nguyễn ngôi chùa vẫn còn tồn tại nhưng không có vai trò gì lớn. Nội dung của các bia Hậu Phật còn lưu giữ ở chùa cho biết những

lần tu sửa nhỏ diễn ra suốt thời kỳ này, mà tập trung nhiều nhất là thời Tự Đức. Năm Tự Đức thứ 13 (1860), chùa Long Đọi Sơn tiến hành sửa sang thượng điện, tiền đường, nhà tổ, siêu hương, gác chuông, nghi môn. Chùa lại tiếp tục sửa hành lang, đúc tượng Di Lặc, đúc khánh đồng và đúc khánh đá vào năm 1864 do Thích Chiếu Trường chủ trì xây dựng 125 gian, sau đó chùa trở thành trường Bắc Kỳ Phật giáo. Lúc đó chùa được dựng theo kiểu nội công ngoại quốc. Tượng Phật được thờ rất nhiều ở tiền đường, thượng điện. Mười tám gian xung quanh hành lang ở hai bên chùa thờ thập bát La Hán. Hai dãy nhà đắp cảnh thập điện ở ngay ngõ vào. Chùa còn có nhà tổ, nhà khách, tăng phòng... Từ đó chùa được gọi là trường Hạ giáo dục tăng ni vào 3 tháng hè và chùa đã trở thành trung tâm chốn tổ, khai trường thuyết pháp, cứu thế độ sinh.

Năm Bảo Đại thứ 4 (1928), Nhà nước cấp 500 đồng và nhà chùa khuyến giáo thập phương tiếp tục sửa chữa.

Vào năm 1947, trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chùa đã bị bỏ hoang suốt 10 năm trời do chủ trương tiêu thổ kháng chiến, các sư sãi đều phải di cư đi nơi khác.

Sau khi hoà bình lập lại, năm 1957, các sư cùng các tín đồ phật tử và nhân dân địa phương cho sửa chữa, tôn tạo lại di tích. Nhân dân trong làng trong xã đã xây dựng lại chùa, toàn bộ kiến trúc gỗ hiện thấy ở chùa là của di tích Văn Chỉ ở gần đó chuyển sang. Mặt bằng hiện trạng của chùa chính là kết quả của đợt xây dựng này. Hoà bình lập lại các sư trong sơn môn khôi phục chốn tổ, nhân dân thập phương tham gia tu sửa và tôn tạo di tích lịch sử. Lập lại trường Hạ do Sư cụ chùa Đô Quan là Hội trưởng Hội phật giáo huyện Duy Tiên, Ủy viên Quốc hội đứng lên tổ chức xây dựng khôi phục chốn tổ.

Năm 1960, cụ Thượng tọa Thích Liên Huê (người thôn Nhất) và sư cụ Thích Thanh Bột (người làng Yên Nam – Điệp Sơn) về trụ trì chùa và Sư cụ Thích Đàm Thử (nữ) về làm chi điền cai quản ruộng vườn.

Năm 1992, chùa Long Đọi được xếp hạng *Di tích quốc gia*. Từ đó đến những năm gần đây, chùa Long Đọi Sơn luôn được sửa sang, khuôn viên của chùa ngày một khang trang hơn. Chẳng hạn như năm 1993 xây dựng lại nhà bia, năm 1995 xây lại nhà Hậu điện, năm 1996 xây lại nhà Thập bát la hán, năm 1998 nhà chùa đúc lại tượng 18 vị La Hán, năm 2000 thầy Thích Thanh Vũ chủ trì xây dựng lại Trung điện và nhà thờ tổ.

Vào những năm 2000 để bảo đảm phục vụ việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích, chùa tiếp tục được Nhà nước và nhân dân địa phương tu bổ chống xuống cấp, tôn tạo xây dựng mới một số công trình. Sau khi hoàn thành quá trình khai quật, năm 2002, công tác tu bổ đã được triển khai theo đúng thiết kế, thời gian và tiến độ quy định như: khôi phục tam quan nội, tam quan ngoại, xây bậc thêm, lát đá các bậc lên xuống di tích, tu bổ nhà bia, nhà Tam bảo, nhà tổ, nhà khách, phủ Mẫu... Quy hoạch và xây dựng nơi làm việc Ban quản lý di tích, nhà đón tiếp khách, sân đỗ xe dưới chân núi Đọi, tạo nên quần thể di tích tu bổ hoàn chỉnh từ cảnh quan, không gian cho đến công trình kiến trúc. Đồng thời, Ban quản lý di tích đã cho xây dựng nhà kính bảo vệ hồ khai quật (bảo vệ nền móng tháp, các di vật, vật liệu kiến trúc tháp...). Chùa đã cho trưng bày một số hình ảnh, hiện vật tiêu biểu thu được từ hồ khai quật để phục vụ công tác nghiên cứu và tìm hiểu của khách tham quan.

Chùa Đọi Sơn được Thủ tướng chính phủ xếp hạng *Di tích Quốc gia đặc biệt* theo quyết định số 2082/QĐ-TTg ngày 25/12/2017.

Như vậy có thể nói chùa Long Đọi Sơn là một di tích nổi tiếng có bề dày lịch sử. Chính vì vậy từ lâu di tích đã thu hút được sự quan tâm nghiên cứu của nhiều ngành khoa học xã hội và nhân văn trong đó có Khảo cổ học, Mỹ thuật học, Hán Nôm, Tôn giáo,...

1.2.3. Các vị trụ trì chùa Long Đọi Sơn

Sư tổ Đàm Cứu Chi, không rõ tên thật, pháp danh là Cứu Chi - đời thứ 7 phái Vô Ngôn Thông, dòng Thiền Quan Bích, Việt Nam. Ông sinh năm Ất Mùi (995), mất năm Đinh Mùi (1067) thọ 72 tuổi. Quê ở làng Phủ Đàn, hương Chu Minh, tỉnh Bắc Ninh. Ông rất hiếu học, đọc nhiều sách đặc biệt rất am hiểu sách Nho và sách Phật. Ông là học trò của sư Đinh Hương ở chùa Cảm Ứng trên núi Ba Sơn. Ông tu ở chùa Quang Minh trên núi Tiên Sơn thuộc huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh ngày nay. Vua Lý Thái Tông đã ba lần cho vời, ông vẫn không đến khiến vua phải đích thân tới chùa thăm hỏi. Khoảng những năm Long Thụy Thái Bình (1054-1058) ông đến trụ trì ở chùa Diên Linh trên núi Long Đọi thuộc huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam do Tể tướng Dương Đạo Gia xây dựng và mời ông theo thiện ý của vua Lý Thánh Tông và Vương phi Ý Lan. Ông đã góp sức xây dựng chùa cùng Tể tướng Dương Đạo Gia và trở thành vị cao tăng đầu tiên ở chùa Long Đọi. Ông còn để lại một bài thơ là “*Giác liễu thâm tâm*” (Giác ngộ về thâm tâm), tạm dịch như sau:

Hiểu thâm tâm vốn lặng ngừng

Hiểu ra cái vẻ không cùng đổi thay
Hữu vô thấy xuất từ đây
Thế giới hiện tượng nhiều đầy cát sông
Tay đầy khắp cõi hư không
Xem ra nhất nhất lại không có hình
Khó vi trang hướng phát sinh
Mà vẫn sáng tỏ quá trình nơi nơi [17, tr.8].

Thiền sư Thích Hải Triều, sinh năm 1521, mất ngày 15 tháng 7 năm 1591. Tuy không để lại nhiều dấu tích nhưng sự có mặt của thiền sư Thích Hải Triều đã đánh dấu mốc đầu tiên tái lập chùa Long Đọi sau này, kể từ năm 1591.

Thiền sư Thích Tịnh Khoan quê ở thôn Đọi Tam, xã Đọi Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Ngài xuất gia ở chùa năm 1613, tu được 45 năm, mất ngày 14 tháng 11 năm 1658.

Thiền sư Thích Chiêu Tinh, trụ trì chùa năm 1629, quê ở thôn Đọi Trung, xã Đọi Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Thiền sư Thích Trần Đức, trụ trì chùa năm 1646. Ông quê ở Tiên Lữ, Khoái Châu, Hưng Yên.

Thiền sư Thích Chiêu Thường, sinh năm 1765, mất ngày 21 tháng 3 năm 1840. Quê ở thôn Đọi Lĩnh, xã Đọi Sơn, Duy Tiên, Hà Nam. Ông là sư tổ đời thứ 5 chùa Long Đọi Sơn. Cùng một lúc ông trụ trì 3 chùa: chùa Thọ ở Thường Tín, chùa Đa Bảo ở Phú Xuyên, nhưng nơi chính vẫn là chùa Long Đọi. Hòa thượng Thích Chiêu Thường là người có công lớn trong việc xây dựng mở mang phát triển chùa Long Đọi Sơn. Ông xây dựng 125 gian chùa, hoàn thiện việc tôn tạo trên cơ sở các đời tổ trước để lại; xây 7 gian sau với tả hữu hành lang, hoàn thiện các ván in sách và lưu hành các bộ kinh; đúc một khánh lớn và một tượng Di Lặc bằng đồng nặng 1000 kg, ... Chính vì thế hội chùa Đọi hàng năm song song với việc lễ Phật và văn cảnh còn có ý nghĩa tưởng niệm ngày mất của Hòa thượng Thích Chiêu Thường Nhục thân Bồ Tát.

Thiền sư Thích Thanh Tùng, chưa xác định năm sinh, năm mất. Giỗ ngày 22 tháng 8 hàng năm. Quê ở thôn Đọi Lĩnh, xã Đọi Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Thiền sư Thích Bảo Thọ, quê ở huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định. Họ Trần, tên Bảo Thọ. Đầu tiên ở chùa Thanh Sơn, Hương Tích, sau đó mới về chùa Long Đọi Sơn. Giỗ ngày 15 tháng 10 hàng năm.

Thiền sư Thích Thông Quyên, mất ngày 22 tháng 10 năm 1908. Quê ở huyện Phù Tiên, Hưng Yên. Thiền sư đến chùa vào năm 1839.

Thiền sư Thích Quảng Chí, sinh năm 1858 mất năm 1929. Quê ở huyện Thường Tín, Hà Tây. Họ Vũ tên là Phúc Hựu. Giỗ ngày mùng 8 tháng 9 hàng năm.

Thiền sư Thích Tịnh Đức, mất năm 1945. Quê ở thôn Bút, xã Châu Giang, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Họ Lê tên Thông Trà. Giỗ ngày 4 tháng 1 hàng năm.

Thiền sư Thích Thanh Quảng, sinh năm 1924, năm mất chưa rõ. Là cháu của Thích Tịnh Đức. Quê ở Hưng Hà, Thái Bình. Giỗ 18 tháng 3 hàng năm.

Thiền sư Thích Thanh Bột, sinh năm 1902 mất ngày 22 tháng 8 năm 1973. Quê ông ở thôn Yên Nam, xã Điệp Sơn, Duy Tiên, Hà Nam, đến trụ trì xây dựng lại chùa năm 1957.

Thiền sư Thích Liên Huệ, sinh năm 1921, mất 1989. Quê ở thôn Đọi Nhất, xã Đọi Sơn, Duy Tiên, Hà Nam. Cùng đến tham gia xây dựng lại chùa từ năm 1957, sau đó trụ trì từ năm 1973. Giỗ ngày 15 tháng 11 hàng năm.

Thiền sư Thích Đàm Thử, sinh năm 1907, mất 14 tháng 11 năm 1997. Quê ở Hưng Hà, Thái Bình. Cùng đến tham gia xây dựng lại chùa từ năm.

Thiền sư Thích Thanh Vũ, trụ trì chùa từ năm 1989 đến hiện nay. Quê ở xã Hòa Hiệp, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

Chương 2

KIẾN TRÚC VÀ LỄ HỘI CHÙA LONG ĐỘI SƠN

2.1. KIẾN TRÚC CHÙA LONG ĐỘI SƠN

2.1.1. Toàn cảnh chùa

Chùa Long Đội Sơn tọa lạc trên đỉnh núi Long Đội thuộc địa bàn huyện Duy Tiên, cách thành phố Phủ Lý khoảng 8km về hướng Bắc. Chùa Long Đội Sơn có tên chữ là Diên Linh tự, được xây dựng vào thời nhà Lý, dưới triều vua Lý Nhân Tông. Chùa quay về hướng nam, đúng như câu tục ngữ: "*Đầu gói núi Đội, chân đội Tuần Vương, phát tích đế vương, lưu truyền vạn đại*".

Núi Đội là một ngọn núi thiêng. Bia Sùng Thiện Diên Linh cho biết nhiều thông tin về ngọn núi này. Vào thời Lê Hoàn núi có tên là Long Lĩnh, nghĩa là núi rồng (hiện nay có thôn Đội Lĩnh thuộc xã Đội Sơn). Từ thời Tiền Lê có tên là Long Lĩnh, đến đời vua Lý Nhân Tông đổi là Long Đội Sơn (hàng rồng). Sách *Đại Nam nhất thống chí* biên soạn dưới triều Nguyễn chép: "*Dưới chân núi có chín ngọn suối, lại có huyết đá gọi là huyết Hàm Rồng*". Số chín theo triết học phương Đông cổ đại về thuyết Âm Dương – Ngũ Hành, là con số cực dương rất thiêng, biểu tượng của sự sinh sôi, phát triển thuận lý (cửu đỉnh, cửu trùng, cửu thiên...). Dưới triều Lê núi được đổi tên thành Đội Sơn. Đội là từ thuần Việt, nghĩa cổ là cái bát. Được đặt tên như vậy phải chăng vì hình dáng ngọn núi giống một cái bát lộn ngược. Các sách địa chí thời Nguyễn gọi núi là Long Đội, Long Đội Sơn. Ngày nay người dân quen gọi là núi Đội, có tên xã là Đội Sơn.

Nằm ở đồng bằng, núi Đội Sơn có độ cao gần 300m đã tạo nên một cảnh quang đặc sắc. Đội Sơn là một quả núi đất có lẫn đá. Từ sườn núi phía Đông Bắc gần như dựng đứng, còn các phía khác đều thoải thoải. Đường lên chùa nằm ở phía Nam sườn núi, bao quanh bởi các xóm làng trù phú với những mái ngói đỏ tươi nằm rải đều ở xung quanh dưới những lũy tre xanh.

Từ dưới sân núi lên đến tận đỉnh cao nhất nơi dựng chùa dài khoảng 300 m. Đường uốn khúc quanh co với độ dốc vừa phải, cứ vài chục mét có những khoảng tương đối bằng phẳng để khách hành hương dừng chân ngắm cảnh và nghỉ mát. Đường đi lên hai bên chỉ có cỏ và những bụi cây thấp. Chính vì vậy càng lên cao đất trời càng thêm mở rộng, tầm mắt càng dõi nhìn xa hơn, cảnh quan càng thêm phong phú ngoạn mục. Dưới chân núi là những cánh đồng lúa, ngô, khoai tươi tốt

và dòng sông Châu quanh co lượn khúc như dải lụa uốn thành những cung bậc nghệ thuật của miền địa linh.

Năm 1467, Lê Thánh Tông – một ông vua nổi tiếng của triều Lê nhân dịp đến thăm chùa Đọi Sơn, trước vẻ đẹp thiên nhiên ở đây ông đã viết:

“Lên cao tầm mắt nhìn càng rộng

Muôn dặm mênh mông cỏ lẩn cây” [14, tr.9]

Lên trên cao, du khách sẽ nhìn thấy cả một bức tranh đồng bằng bao la, với dòng sông Châu uốn khúc như một dải lụa ôm lấy những cánh đồng phì nhiêu. Dưới chân núi Đọi là những thửa ruộng gắn với sự kiện lịch sử vào mùa xuân năm 987 vua Lê Đại Hành cùng văn võ bá quan lần đầu tiên cày ruộng ở Đọi Sơn để khuyến khích mở mang nông trang.

Mặt bằng của chùa rộng, lưng chùa tựa vào núi Đập với ba dòng sông uốn khúc bao quanh. Toàn cảnh núi Đọi trông xa như một con rồng đất lớn nằm giữa một dải đất rộng bằng phẳng, đầu núi Đọi hơi nhô cao về hướng Thăng Long nên từ xưa đã có tương truyền chùa nằm trên thế đất Cửu Long. Ở quanh chân núi có 9 giếng nước tự nhiên, mà dân gian gọi là chín mắt rồng.

Chùa Long Đọi Sơn tọa lạc trên đỉnh núi cao, như tách ra khỏi cuộc sống thường ngày sôi động, không gian của di tích dường như ít thay đổi trong quá trình tồn tại, nhất là trong bối cảnh hiện nay khi mà các di tích đều ít nhiều chịu sự tác động của kinh tế thị trường. Ngôi chùa Long Đọi Sơn đắm chìm trong khói hương u tịch của chốn “Thiền Môn”.

Hiện nay chùa có khoảng 17 đơn nguyên kiến trúc lớn nhỏ trong khuôn viên với diện tích khoảng 2 ha. Du khách ngắm cảnh chùa phải theo các bậc cấp bằng đá xếp khá đơn giản, tạo thành độ dốc vừa phải để lên cổng chính của chùa. Từ dưới chân núi đi lên chùa du khách phải đi lên 373 bậc thang bằng đá xẻ, đá phiến, có bóng cây che mát hai bên đường.

Qua cổng chính là nhà bia. Nhà bia mới được xây dựng, kiến trúc gỗ. Đây chính là bia Sùng Thiện Diên Linh, là một di vật quý giá có từ thời Lý xây dựng vào năm 1121 do Nguyễn Công Bật vâng sắc chỉ soạn. Qua nhà bia là đến sân chùa, hai bên sân có hai dãy Tháp điện. Đáng chú ý trong các di vật ở hai dãy Tháp điện là 6 pho tượng Kim Cương bằng đá, theo mô tả trong văn bia, vốn được đặt ở cửa tháp Sùng Thiện Diên Linh.

Qua sân là bậc Tam cấp dẫn lên Tam bảo cùng hành lang và Thập bát La Hán. Phía sau của điện Tam bảo là nhà Hậu điện thờ Mẫu, Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông, Nguyên phi Ý Lan. Kế tiếp là nhà Tổ thờ các vị vua đã trụ trì tại chùa.

Phía Tây và Tây Nam của chùa là vườn tháp mộ sư, với 37 tháp mộ có các kiểu kích cỡ khác nhau, được xây dựng trong một thời gian dài. Đây là một vườn tháp khá cổ kính và rất hiếm thấy ở các ngôi chùa hiện nay.

Bên cạnh các kiến trúc chính, còn có kiến trúc phụ bao gồm: phòng khách, nhà tắm, bếp, phòng ăn... Cạnh ngay chùa còn có phủ thờ Mẫu; phía trong là am thiên được xây dựng do sư tổ thứ sáu là Thích Chiêu Thường.

Hiện nay chùa được xây dựng theo kiểu chữ đình gồm Tiền đường (7 gian) và Thượng điện (3 gian). Hệ thống vì kèo theo kiểu chông đầu giá chiêng, cột cái có đường kính 30cm, chân tảng kê đá cổ bông, xà và hoành vuông, mái lợp ngói ta. Tường gạch được xây xung quanh, Tiền đường được lắp cánh cửa bức bàn bằng gỗ lim.

Bên phải chùa là phủ thờ Liễu Hạnh công chúa. Phủ có ba gian thờ dọc. Song song với nhà Thượng điện là năm gian nhà Tổ ở bên trái được cột bằng đá vuông, tường gạch, lợp ngói ta. Nối liền nhà Tổ là bốn gian tầng phòng nơi ở của các sư trụ trì. Đối diện với nhà Tổ qua một sân lát gạch là nhà khách. Nhà Tổ, nhà khách, tầng phòng có chung một sân lát gạch tạo thành một chữ u.

Tóm lại, có thể thấy toàn bộ kiến trúc hiện đại của chùa mới xây dựng trong những năm gần đây. Khuôn viên của chùa đã được tu sửa khang trang nhằm đáp ứng nhu cầu tâm linh của nhân dân trong vùng. Các di vật cổ được quan tâm có niên đại thời Lý liên quan đến cây tháp Sùng Thiện Diên Linh còn lại không nhiều như: bia Sùng Thiện Diên Linh, các pho tượng Kim Cương, Kinari.

Qua gần một nghìn năm tồn tại, chùa Long Đọi Sơn với cảnh sắc thiên nhiên hòa quyện với các công trình kiến trúc đã tạo nên một thắng cảnh nổi tiếng. Chùa đã đón nhiều văn nhân tài tử, các quý tộc vương hầu, những ông vua bà chúa và đông nhất vẫn là nhân dân khắp nơi đến chiêm ngưỡng văn cảnh lễ Phật.

Chùa Đọi Sơn đã từng là trường Hạ, là nơi đào tạo của những chân tu đắc đạo. Hàng năm đây là nơi đến “ngôi hạ” của sư sãi khắp trong tỉnh. Chùa còn là khu an dưỡng của các tăng ni khi về già. Với vị trí và giá trị của di tích, đồng thời được sự quan tâm của chính quyền địa phương, du khách thập phương, chùa Đọi Sơn đã

và đang từng bước được tu sửa tôn tạo để đón khách thập phương về tham quan văn cảnh.

2.1.2. Bài trí tượng thờ trong chùa

2.1.2.1. Tượng Phật trong chùa

Chùa Đọi Sơn thờ Phật, Bồ Tát, các nhân vật có liên quan Phật giáo và các sư tổ trụ trì có công xây dựng chùa. Cũng giống như các ngôi chùa miền Bắc, chùa Đọi Sơn theo Phật giáo Bắc Tông, vì vậy trên Phật điện được bày trí đầy đủ các lớp tượng sau (từ trên xuống dưới):

- Lớp thứ nhất là ba pho Tam thế. Ở giữa là đức Thích Ca Mâu Ni Phật của thời hiện tại; hai bên là vị Phật của thời quá khứ là Ca Diếp Phật và vị Phật của thời tương lai là Phật Di Lặc.

- Lớp thứ hai: A Di Đà đặt ở giữa, bên trái là Quan Thế Âm Bồ tát, bên phải là pho Đại Thế Chí Bồ tát.

- Lớp thứ ba: pho Di Lặc ở giữa, bên trái là Thánh tăng, bên phải là Thổ địa.

- Lớp thứ tư là tòa Cửu Long.

- Hai bên tòa Tiền đường đặt hai pho Kim Cương.

Phía sau điện Tam bảo là dãy hành lang, Hậu điện thờ 18 vị La Hán hai bên mỗi bên thờ 9 vị.

2.1.2.2. Nhân vật lịch sử được nhân dân tôn thờ ở chùa Long Đọi Sơn

Ngoài tượng Phật, trong chùa còn thờ nhiều nhân vật lịch sử có công với đất nước và với đạo Phật như vua Lý Nhân Tông, Nguyên phi Ý Lan, Lê Đại Hành Hoàng Đế.

Vua Lý Nhân Tông (1072-1127)

Vua Lý Nhân Tông tên thật là Càn Đức, ông là con trai trưởng của Lý Thánh Tông. Năm 1072 khi vua Thánh Tông qua đời, Thái tử Càn Đức lên ngôi tức vua Nhân Tông. Mẹ đẻ là Thái hậu Linh Nhân (tức Ý Lan Nguyên phi). Vua Lý Nhân Tông, trị vì 56 năm, mang lại một thời kì thái bình thịnh trị bậc nhất trong lịch sử các triều đại phong kiến Việt Nam. Những nhân vật lịch sử nổi tiếng của triều Lý và cả trong lịch sử Việt Nam đã phò tá khi vua mới lên bầy là Nguyên phi Ý Lan, Thái sư Lý Đạo Thành, Phụ quốc thái úy Lý Thường Kiệt phò tá .

Vua Lý Nhân Tông là người có công đầu đối với nền giáo dục Đại học. Ông đã cho mở thi khoa Minh Kinh bác học hay còn gọi là khoa thi Tam trường đầu tiên trong lịch sử vào năm 1075. Khoa thi lấy đỗ 10 người, Lê Văn Thịnh đỗ thủ khoa. Ông là trạng nguyên đầu tiên trong lịch sử khoa bảng Việt Nam. Năm 1076 nhà vua cho xây Văn Miếu Quốc Tử Giám thờ Khổng Tử và các bậc tiên hiền của Nho giáo. Đây trở thành nơi dạy học ở bậc cao dành cho thái tử và những người tài giỏi để xây dựng đất nước. Văn Miếu Quốc Tử Giám là trường Đại học đầu tiên của nước ta.

Lý Nhân Tông là một vị vua anh minh giỏi việc quan chế. Nhà vua giao cho Lý Thường Kiệt đưa quân sang đất Tống đánh trước để giành thế chủ động. Quân đội nhà Lý hạ được thành Ung Châu vào đầu năm 1076. Sau đó, nhà Tống cho quân sang xâm lược nước ta do Quách Quỳ, Triệu Tiết dẫn đầu. Dưới sự chỉ huy của Phụ quốc Thái úy Lý Thường Kiệt quân nhà Lý một lần nữa đánh bại quân Tống tại trận tuyến trên sông Như Nguyệt. Quách Quỳ phải chấp nhận giảng hòa và rút quân về vào năm 1077.

Lý Nhân Tông là một vị vua thương dân, gần dân, thương người nghèo khổ, thân phận tơi tở, người già nua, góa bụa. Ông quan tâm và nhắc nhở về việc đồng áng, khuyên dân đắp đê chống lũ lụt. Công trình nổi tiếng nhất thời đó là đê Cơ Xá. Bên cạnh đó, ông còn đi xem dân cày cấy, gặt mùa, chỉ bảo ngư dân đánh cá, khuyến khích phát triển các nghề thủ công như nghề giấy, nghề sơn, kiến trúc và điêu khắc, đóng thuyền, nung gạch ngói. Dưới thời vua Lý Nhân Tông kinh tế nông nghiệp có bước phát triển mới.

Lý Nhân Tông là một người hâm mộ Phật pháp. Trong thời kì trị vì của mình, ông đã để lại nhiều công trình nổi tiếng như bảo tháp Vạn Phong Thành Thiên trên núi Chương Sơn ở huyện Ý Yên (Nam Định), bảo tháp Sùng Thiện Diên Linh ở huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Đây giai đoạn thịnh đạt của Phật giáo ở nước ta, có ảnh hưởng sâu sắc tới đời của nhân dân, in rõ dấu ấn trong mọi lĩnh vực văn hóa, sắc thái Phật giáo gắn bó với thuần phong mỹ tục của dân tộc ta. Nhà vua đã cho lập rất nhiều chùa và có ý thức tạo nên những thắng cảnh cho đất nước.

Lý Nhân Tông là một vị vua văn võ song toàn, không chỉ giỏi việc quan trường, mà còn am hiểu và rất thích nghệ thuật. Vua Lý Nhân Tông chính là tác giả của những bài ca, khúc nhạc mà nhạc công tập luyện. Tác phẩm của vua Lý Nhân Tông hiện còn ba bài thơ tứ tuyệt gồm *Truy tán Vạn Hạnh Thiền sư*, *Tán Giác Hải Thiền sư*, *Thông Huyền Đạo nhân*, *Truy tán Sùng Phạm Thiền sư*, ngoài ra còn một vài bức thư gửi triều đình nhà Tống, các bài hịch và chiếu.

Khi đánh giá tổng quát về ông, các sử gia như Lê Văn Hưu, Ngô Sĩ Liên, Phan Huy Chú, Lê Quý Đôn... đều gọi ông là “*vị anh quân của vương triều Lý*”.

Hoàng thái hậu Ý Lan

Trong sách *Việt sử lược* và *Đại Việt sử ký toàn thư* đều không ghi chép rõ ràng về xuất thân của bà. Chỉ biết bà họ Lê, là người hương Thổ Lỗi, còn Ý Lan là tên do Lý Thánh Tông ban cho sau khi vào cung.

Có truyền thuyết kể về bà, Ý Lan sinh ngày 7 tháng 3 năm Giáp Thân (7 tháng 4 năm 1044) tại hương Thổ Lỗi. Đồi Nguyễn thuộc phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, nay là làng Phú Thị thuộc xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Cha là Lê Công Thiết, làm chức quan nhỏ ở kinh thành Thăng Long. Mẹ bà hiệu là Tĩnh Nương, có nguồn khác tên là Vũ Thị Tĩnh, làm ruộng tại hương Thổ Lỗi.

Vào 1064, khi vua Lý Thánh Tông đến chùa Thổ Lỗi cầu tự và mở hội tuyển cung nữ, Ngài vén rèm nhìn thấy từ xa có người con gái tựa vào cây lan và cất tiếng hát trong trẻo. Sau đó Ngài đã ra lệnh cho người con gái ấy tiến cung.

Khi vào cung bà được phong làm Ý Lan Phu nhân. Vua Thánh Tông lúc đó sang tuổi 40 mà vẫn chưa có con trai nối dõi. Ý Lan Phu nhân hạ sinh Hoàng tử Lý Càn Đức vào tháng Giêng, năm 1066. Ngày hôm sau, Vua Thánh Tông lập ngay làm Hoàng thái tử và phong Ý Lan Phu nhân làm Thần phi. Sau đó, bà lại sinh ra Minh Nhân vương vào 1068. Thánh Tông phong Thần phi làm Nguyên phi đứng đầu các phi tần trong cung và đổi hương Thổ Lỗi làm hương Siêu Loại. Lúc đó địa vị của Ý Lan chỉ sau Thượng Dương Hoàng hậu.

Năm 1069, vua Lý Thánh Tông thân chinh đi đánh giặc ngoại xâm. Ý Lan Nguyên phi rất đảm đang, chăm lo quốc sự khiến cho thần dân thán phục, cõi nước được yên vui. Lâu ngày đánh không thắng Lý Thánh Tông từ biên cương trở về và nghe được mọi người ca ngợi nguyên phi Ý Lan. Vua đã tự trách mình và lại trở ra đánh giặc, lần chinh chiến này vua giành thắng lợi. Ý Lan rất nhân từ dạy con ngoan, đào tạo con trở thành một nhà vua anh minh sau này; lại lo cho dân giàu nước mạnh, yêu thương nhân dân nên được mọi người kính phục.

Năm 1072 vua Lý Thánh Tông mất, vua Lý Nhân Tông lên ngôi khi mới 7 tuổi. Ý Lan Nguyên phi được tôn làm Linh Nhân Hoàng Thái Hậu. Bà vừa giúp coi triều chính vừa dạy dỗ con. Bà cùng Lý Thường Kiệt, thái sư Lý Đạo Thành giúp vua lo việc nước.

Sống trong lầu son gác tía nhưng không lúc nào bà quên những người nghèo khó. Bà vẫn luôn quan tâm đến đời sống của nông dân lao động. Cũng như vua Lý Nhân Tông, bà thường phát thóc lúa cho người nghèo. Bà sùng đạo Phật, ưu làm việc thiện nên đã cho lập rất nhiều đình chùa. Phía sau tấm bia Sùng Thiện Diên Linh có ghi lại việc bà cúng vào chùa Đọi Sơn 72 mẫu ruộng vào năm 1121.

Thái hậu dựng chùa thờ Phật trước sau hơn một trăm nơi. Tục truyền rằng Thái hậu hối lại việc Thương Dương Thái hậu và các thị nữ không tội mà bị giết chết mới làm nhiều chùa thờ Phật để sám hối và rửa oan. Ngay tấm bia thời Lý ở chùa Đọi với đề bia Sùng Thiện Diên Linh (cầu việc thiện, mong cho tuổi thọ kéo dài) cũng phần nào nói lên ý nghĩa ấy.

Ngày 25 tháng 7 năm 1117 bà mất, nhục thân được hỏa táng, dâng thụy là Phù Thánh Linh Nhân Hoàng thái hậu, mai táng ở Thọ Lăng phủ Thiên Đức. Hiện nay có 2 miếu thờ bà ở xã Cẩm Đới và Cẩm Cầu thuộc huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

Lê Đại Hành Hoàng Đế (941-1005)

Lê Hoàn quê ở làng Bảo Thái, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Thời Đinh ông giữ chức Thập đạo tướng quân. Khi nhà Tống sang xâm lược, Lê Hoàn được tôn lên làm vua.

Sách *Việt sử lược*, có đoạn cho biết về sự kiện cày tịch điền như sau: “*Năm Đinh Hợi, hiệu Thiên Phúc năm thứ 7 (987) vua bắt đầu cày ruộng tịch điền ở Đọi Sơn, được một lọ vàng bạc, cày ở núi Bà Hối, được một lọ nữa, vua đặt tên đất đó là ruộng Kim Ngân*” [24, tr.57]. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* viết: “*Đinh Hợi (Thiên Phúc năm thứ 8 [987], Tống Ung Hy năm thứ 4). Mùa xuân, vua lần đầu cày ruộng tịch điền ở núi Đọi được một hũ nhỏ vàng. Lại cày ở núi Bàn Hải, được một hũ nhỏ bạc, nhân đó đặt tên là ruộng Kim Ngân*” [17, tr.13].

Từ khi còn là Thập đạo tướng quân, tham gia dẹp loạn mười hai sứ quân, Lê Hoàn đã đi qua vùng núi Đọi và thấy thế núi ở đây có thể là một tiền đồn phía Bắc để bảo vệ kinh đô Hoa Lư lúc bấy giờ. Vì thế mà ông có ý định mở mang, xây dựng khu vực này trở thành một nơi dân cư trú phú nhằm bảo vệ và xây dựng căn cứ quân sự vững chắc. Ruộng Tịch điền ở Đọi Sơn nằm trong vùng đất chịu sự quản lý trực tiếp của nhà vua. Sau khi lên ngôi, ông phong vương cho các con ruột và con nuôi đi trấn trị ở các vùng đất thuộc đồng bằng Bắc Bộ và Thanh Hóa trừ Trường Châu. Còn do tương truyền núi Đọi là một ngọn núi thiêng. Vào thời Lê Hoàn núi

có tên là Long Lĩnh, nghĩa là núi rồng theo nội dung của tấm bia Sùng Thiện Diên Linh. Từ mộ thuyền văn hóa Đông Sơn, mộ Hán, đến mộ thời Hậu Lê đều được giới khảo cổ học phát hiện quanh Đồi Sơn cho thấy người chết đều chôn đầu quay về núi Đồi.

Khi vua Lê về chân núi Đồi cày ruộng tịch điền để khuyến khích nghề nông (năm 987), ruộng Kim Ngân được dân lưu tán nô nức kéo nhau về làm ăn, không để ruộng hoang hóa. Chẳng bao lâu sau vùng núi Đồi và xung quanh trở thành vùng đất giàu có, đông vui. Cùng với nghề làm ruộng, còn có các nghề khác như trồng dâu, nuôi tằm, dệt lụa, làm trống ngày càng phát triển. Nhiều đời vua chúa sau này cũng noi gương vua Lê Đại Hành đi tịch điền (cày ruộng, gặt lúa) để khuyến nông. Trên cánh đồng vua Lê tịch điền còn lưu lại các địa danh: nhà hiến (nơi dân chúng dâng thức dân lên nhà Vua, dinh trong (nơi vua ở), dinh ngoài (nơi ở của các quan), sứ tâu ngựa (chuồng ngựa của vua và các quan).

Một trong những biện pháp khuyến nông dưới thời phong kiến đó chính là cày ruộng tịch điền. Người khởi xướng là Lê Hoàn, người sáng lập ra nhà Tiền Lê, ông đã góp phần tạo nên một truyền thống tốt đẹp của dân tộc, một mỹ tục được lưu giữ đến tận ngày nay.

Sau nhiều năm thất truyền, đến năm 2009, Hà Nam đã khôi phục lại *Lễ hội Tịch điền*. Lễ hội gồm nhiều nghi lễ và diễn xướng được tổ chức từ ngày mùng 5 đến mùng 7 Tết âm lịch có sự kết hợp của văn hóa, nghệ thuật và thể thao. Bao giờ cũng vậy, nghi lễ rước nước được tổ chức trang nghiêm tại chùa Long Đồi Sơn khai mở cho *Lễ hội Tịch điền*. Sau đó là rất nhiều nghi thức và hoạt động, nhưng đặc biệt cuốn hút là hội thi trang trí trâu với sự cổ vũ nồng nhiệt của tiếng trống trứ danh làng Đồi Tam. Hội thi chọn ra những chú trâu đẹp nhất, thuần nhất để tham gia nghi thức cày *Tịch điền*. Cùng với những họa sĩ người Việt còn có cả họa sĩ nước ngoài mong ước được thể hiện những hoa văn họa tiết trên mình trâu, gửi gắm những thông điệp ý nghĩa như: cầu mong mưa thuận gió hòa, tình cảm của người nông dân đối với “*đầu cơ nghiệp*” ... Năm 2010, Hà Nam vinh dự đón Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết về dự và mở những xá cày đầu tiên trong Lễ tịch điền để khuyến khích nông dân sản xuất nông nghiệp.

2.1.3. Cổ vật trong chùa

Các cổ vật thời Lý còn Bia Sùng Thiện Diên Linh, 6 pho tượng Kim Cương bằng đá, 2 pho tượng hình người cánh chim; gạch hoa văn thời Lý. Cổ vật thời nhà

Mạc có tháp cổ lẫm mộ 40 chiếc trong khu vườn tháp. Thời nhà Nguyễn còn có các cổ vật sau:

- 2 chuông đồng, mỗi chuông nặng 1,5 tạ, đường kính 50cm, cao 95 cm.
- 1 khánh chuông đồng nặng 50kg, rộng 1,2m và cao 0,8m.
- Tượng Di Lặc nặng trên 1000 kg đồng [8, tr.124].

Dưới đây xin giới thiệu một số cổ vật tiêu biểu còn lưu giữ tại chùa Long Đọi Sơn.

2.1.3.1. Bảo vật quốc gia: Bia Sùng Thiện Diên Linh

Tám bia Sùng Thiện Diên Linh hiện lưu giữ ở chùa là tám bia cổ nhất còn lại trên đất Hà Nam. Ngày 30/12/2013 Thủ tướng chính phủ đã ký Quyết định số 2599/2013/QĐ-TTg công nhận 37 bảo vật quốc gia đợt 2, trong đó có tám Bia Sùng Thiện Diên Linh, chùa Long Đọi Sơn, xã Đọi Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Tám bia được khắc vào năm 1121 vào đời vua Lý Nhân Tông. Bia cao 2,5m, rộng 1,65m, dày 0,3 m, mặt chính khắc bài văn do ông Nguyễn Công Bật soạn theo sắc chỉ của vua. Nội dung bài văn rất phong phú, đặc biệt là đã miêu tả sự nghiệp dựng nước và giữ nước của Lý Nhân Tông, Lý Thường Kiệt, cũng như đời sống kinh tế, văn hóa của dân tộc ta lúc đương thời. Lời văn bia nhiều màu sắc, sinh động và hào hùng, tạo nên một sự hài hòa giữa nội dung và hình thức.

Mặt sau chữ bị mờ được khắc bài thơ của Lê Thánh Tông vào năm Quang Hưng thứ tám (1586) và lần sửa chùa vào thời Mạc (1591).

Tám bia được trang trí rất đẹp. Trán, diềm và cạnh bia đều lấy hình rồng làm đối tượng để trang trí. Những con rồng với kích thước và bố cục khác nhau tạo ra sự thống nhất cũng như đăng đối một cách linh hoạt, bởi sự nghiên cứu kỹ từ chi tiết đến toàn thể.

Mặt chính của bia chạy ở vành ngoài cũng là những con rồng chạm nối tiếp nhau. Ở trán bia là hai con rồng hai bên châu ở chính giữa nhưng không phải là hình mặt trời mà là tên bia “*Đại Việt đương gia đệ tứ đế Sùng Thiện Diên Linh tháp bi*”. Hai mặt bia mỗi bên có chín ô quả trám, trong đó có chạm hình rồng ở mỗi ô.

Con rồng là một họa tiết trang trí được diễn tả nhiều hơn cả, đầy sức sáng tạo và độc đáo. Hình tượng con rồng chứa đựng nhiều ý nghĩa gắn chặt với ý nghĩa dân gian, nó nói lên việc cầu mong mưa thuận gió hòa, thuận lợi cho nền nông nghiệp phát triển. Con rồng đã được đôi bàn tay khéo léo của người thợ đá cải tiến nâng lên thành một đề án thống nhất đưa vào trang trí cho tám bia. Những đường cong của

thân hình rỗng được cấu tạo vô cùng sinh động, dẻo dai, chắc chắn. Những đường cong thông minh ấy lại hết sức linh hoạt và tế nhị. Ở đây nó được bố trí trong những khuôn hình nhất định như những vòng sáng, nhọn đầu, hình ô trám... theo nguyên tắc đăng đối và thân rỗng là đường nét chính còn mọi đường nét khác góp phần tô đậm cho hình ảnh đó.

Bệ bia dài 2,4 m, rộng 1.8 m, cao 0,5 m là một khối đá hình chữ nhật, không tạc hình rùa giống các chân bia khác. Bệ chia làm hai phần: phần trên chạm khắc sóng thủy ba và phần dưới tiếp xúc với đất hình chữ nhật. Sóng được chia làm hai lớp là lớp trên cao và lớp dưới thấp. Trên mặt bệ bia chia thành hai nửa tạo hình hai con rồng. Cổ đầu đã bị phá bỏ. Đầu rồng có bờm, đuôi ở đoạn sau xoắn thành bốn khúc khép kín. Mỗi con có bốn chân.

Bia Sùng Thiện Diên Linh là một tấm bia cổ từ thời Lý còn tồn tại đến ngày nay không chỉ có giá trị cao về mặt nội dung mà còn có giá trị về mặt nghệ thuật.

Nội dung văn bia được sưu tập trong một số sách Hán Nôm và được dịch, giới thiệu trong *Thơ Văn Lý Trần*, tập 1.

Ngoài ra ở mặt sau tấm bia còn khắc một bài thơ của Lê Thánh Tông và hai đoạn văn, một đoạn ghi việc Thái hậu Linh Nhân cúng ruộng và một đoạn ghi việc trùng tu và dựng lại bia dưới thời nhà Mạc.

2.1.3.2. Tượng Kim Cương

Hiện nay ở chùa Đọi Sơn còn sáu pho tượng Kim Cương, có những pho đã bị mất đầu hoặc bị sứt gãy các bộ phận đã dùng xi măng đắp lại. Theo những sách khảo cứu về Phật học thì tượng Kim Cương có 8 vị, được gọi là “Bát đại Kim Cương”. Đó là các thần tướng nhà Trời đi hộ vệ Đức Phật. Bài văn trên tấm bia đá Sùng Thiện Diên Linh cũng ghi: “*tầng dưới đặt 8 vị tướng khôì ngô có thần nhân chống gươm ủng hộ*” [17, tr.32]. Tám vị “*thần nhân chống gươm ủng hộ*” đó là 8 pho Kim Cương. Hiện nay ở chùa còn 6 pho, 2 pho đã bị mất. Như vậy có thể thấy, ở đây lưu giữ số tượng Kim Cương nhiều nhất, hoàn chỉnh nhất trong các di tích thời Lý còn lại ở nước ta.

Các pho Kim Cương ở đây được tạc bằng đá khối cao bằng người thật, khoảng 1,60m, đứng chống gươm trước bụng và có kích thước xấp xỉ nhau. Tượng được phục trang theo lối võ quan, lá chắn che ở phía trước ngực. Ngoài áo giáp được trang trí những hình hoa cúc, hình xoắn trên toàn thân áo còn rải những bông hoa nhỏ nhiều cánh rất quen thuộc thời Lý.

Tượng tạc nổi một phần theo kiểu phù điêu về phía đằng trước, còn phía sau lẫn luôn vào khối đá. Tượng đứng thẳng như người đứng gác 2 chân hơi đoãng theo thế đứng vững chãi. Đầu tượng đội mũ trùm tai, bộ mặt tròn trặn, nhẹ nhõm gần với con người bình thường. Hai tay hùynh ra cầm gươm chống trước bụng. Tại cán gươm được trang trí hình hoa cúc dây. Tượng không giống so với tượng các võ tượng thời xưa ở các di tích cổ có những bộ mặt dữ tợn, mắt xếch, môi mồm chặt, gò má nổi cao.

Sáu pho tượng Kim Cương còn lại ở chùa Đọi Sơn có mối liên quan mật thiết với công trình kiến trúc thời Lý, là một bộ phận không thể thiếu của cây tháp Sùng Thiện Diên Linh cao 13 tầng như văn bia đã miêu tả.

2.1.3.3. Tượng đầu người mình chim (Kinari)

Trong số những di vật điêu khắc đã có niên đại thời Lý ở chùa Long Đọi cùng với bia Sùng Thiện Diên Linh, tượng Kim Cương còn có hai pho tượng đầu người mình chim mang hình tượng thần thoại của Ấn Độ giáo, các nhà nghiên cứu gọi là Kinari.

Tượng được tạc bằng đá rập nguyên khối màu xám, nặng 35 kg. Một pho còn nguyên vẹn, một pho đã mất phần đầu, phần đuôi. Cả hai đều có kích thước, phong cách trang trí tương tự nhau, có lẽ hai pho tượng được đặt đối xứng (theo kiểu đối xứng gương) ở một công trình. Tượng cao 40 cm, rộng 31 cm từ đoạn cong nhất của đuôi đến điểm cong nhất của não bặt. Tượng có đế hình vuông, cạnh đế 20 cm. Phần trên của tượng tạc hình người, còn nửa dưới là hình chim, chân móng, đuôi nhiều móng cao vút hẳn lên. Trên đầu tượng tóc tết thành vòng cầu, vắt ngang trán là một vành khăn rủ xuống vai. Trên hai cánh chim là những đường cong khắc chìm, vòng quanh vành ngoài, bên trong có những đường xoáy tròn ốc được cách điệu theo hình lá chạm nổi. Hai tay đang đánh não bặt ở phía đằng trước ngực.

Vẻ mặt tượng thể hiện sự trầm tư dịu dàng nhưng rất rạng rỡ. Đôi mày thanh tú và dài, cặp mắt hơi xếch, đôi mắt dài hơi quặp xuống, làn môi khép lại như thoảng có nụ cười. Mũi dài, thẳng, cao. Bộ tóc phía trên đầu được thắt bằng một dải diềm hoa tạo thành búi tóc rất đẹp trên đỉnh đầu. Toàn bộ pho tượng thần thoại này được tạc công phu, cấu trúc độc đáo, kì dị, nhưng phong cách thoải mái.

Loại tượng nửa đầu nửa chim thường được trang trí trên đầu cột trong các kiến trúc triều Lý. Đây là một nhân vật thần linh nhưng lại đóng vai một nữ nhạc công. Tượng có nhiều họa tiết được trang trí quen thuộc của thế Kỷ XI-XII. Đó là

đóa hoa nhỏ nhiều cánh kết thành dải trên đầu tượng như một vòng vương niệm rực rỡ. Đó còn là những hình xoắn ốc tiếp nhau ở diềm, đuôi hay tiếp tuyến với nhau ở mặt ngoài của đuôi cánh hoa được bắt nguồn từ nền nghệ thuật Đông Sơn. Đặc biệt trên sườn chim ẩn dưới cánh là hình tượng con rồng thời Lý với những nếp uốn trơn tru, mềm mại.

Qua hai pho tượng Kinari chùa Đọi chúng ta thấy được sự giao lưu văn hóa Việt – Chăm. Điều này có căn nguyên lịch sử, gắn với những cuộc chinh phạt vương quốc Chăm-pa của vương triều Lý. Song nhà Lý chỉ tiếp thu ở đạo Balamôn của người Chăm ở hình tượng còn phong cách mà nhất là trang trí lại thể hiện rất đậm dấu ấn của nghệ thuật thế kỷ XI-XII.

2.1.3.4. Pho tượng Phật Di Lạc bằng đồng

Trước đây chùa Đọi Sơn có rất nhiều pho tượng Phật nhưng do chiến tranh và thiên nhiên đã hủy hoại nên đến nay không còn nhiều. Nổi bật trong số các pho tượng có giá trị về mặt nghệ thuật là pho tượng Phật Di Lạc đúc bằng đồng vào năm 1864.

Đây là pho tượng Phật lớn nhất trong các ngôi chùa ở Hà Nam, đồng thời cũng được xếp là một trong các pho tượng có kích thước lớn ở nước ta. Toàn bộ pho tượng kể cả phần bệ cao trên 3m, pho tượng đặt ở tư thế ngồi rất tự nhiên, chân phải chống lên, chân trái xếp vào lòng, mặc áo nhưng để hở cả ngực và bụng. Đây là một người to béo, bệ vệ, bụng căng tròn, ngực nở, vai đầy đặn. Bộ mặt tượng diễn tả sự no đủ, vui vẻ. Vẫn cách tạc tượng truyền thống nên tai Phật phải dài, dày, dải tay chày xuống. Nhưng bộ mặt lại có cốt cách đáng vẻ của con người trần tục. Các khối thịt của cơ mặt như ở cằm, ở má thể hiện một cách sáng tạo để có một nụ cười thoải mái, tràn đầy sức sống. Pho tượng được tạc với thế ngồi, đầu hơi ngửa ra đằng sau và chiều ngang nở rộng có số đo lớn hơn chiều cao để nói lên sự bệ vệ béo tốt của nhân vật.

Pho tượng Di Lạc này đã cho thấy một ý tưởng của nghệ tượng dân gian, thể hiện ước mơ có một cuộc sống ấm no tươi sáng của người lao động phá vỡ các quy phạm cứng nhắc, giáo điều của nghệ thuật thời Nguyễn.

2.1.3.5. Những mảng gốm trang trí kiến trúc

Ngày 01 tháng 10 năm 2001 theo quyết định của Bộ Văn hóa Thông tin, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam đã phối hợp với Bảo tàng Hà Nam, Phòng Văn thể huyện

Duy Tiên đã tiến hành điều tra, thám sát và khai quật khảo cổ học tại khu vực chùa Đọi Sơn.

Di vật thu được trong đợt khai quật là một sưu tập quý có giá trị nghiên cứu và trưng bày. Di vật gồm các chất liệu đá, đất nung, kim khí (đồng, sắt) và gốm sứ. Trong đó, những mảnh gốm trang trí kiến trúc là một sưu tập quý giá để đáp ứng công tác nghiên cứu và trưng bày đặc biệt để các nhà tôn tạo có thể tham khảo để phục vụ dựng lại di tích.

Gốm đất nung có hình vũ nữ: loại gạch này có khả năng làm bằng khuôn, có sửa lại trước khi đem nung. Chúng đều có màu đỏ son, được nung rất già. Những viên gạch đất nung có hình vũ nữ sưu tầm được ở chùa Đọi Sơn, mỗi viên đều có hai hình người đang múa, chúng có kích thước trung bình cao 0m15, dài 0m22, dày 0m08.

Các vũ nữ đang múa đã được cách điệu với đường nét hình khối khỏe, dáng điệu của cô gái mềm mại uyển chuyển. Họ đều là những thiếu nữ duyên dáng, mỗi người một khuôn mặt tất cả đều toát lên một không khí lạc quan, một sức sống tràn trề, một tâm hồn trong sáng và với một nụ cười kín đáo, tế nhị. Đầu các vũ nữ tóc đều chải ngược về sau, uốn bông lên cao, đội mũ che một phần tóc, chân đi hài mũi cong. Bắp tay, cổ tay để trần có đeo vòng và trang phục đồng nhất: quần túm ống, áo thêu thùa công phu.

Các vũ nữ có động tác múa như lướt về phía trước, cả người đứng đưa uyển chuyển mà vững chãi, chân phải bước lên, chân trái gấp xuống, hai cánh tay tung ngang vai, đầu như đang lắc lư theo nhịp trống. Hai bàn tay xò ra vừa là biểu hiện của động tác vũ đạo đồng thời như để đỡ một tấm xà chạm hoa cách điệu ở phía trên. Toàn bộ những mảnh gốm này được ghép lại với nhau tạo nên sự hòa hợp về hình khối, gây một không khí nhộn nhịp, hồ hởi, lạc quan, một phong độ say mê với cuộc sống.

Gốm gạch đất nung này có chiều dài 0m24, cao 0m10 được nung già được trang trí hình rồng có màu đỏ. Viên gạch khắc trọn vẹn hình một con rồng. Con rồng có thân hình tròn trặn, thân dài, nhiều khúc uốn lượn thoăn thoắt. Thân nhỏ dần về phía đuôi, có dáng dấp như một con rắn. Đầu rồng có tỉ lệ thuận với thân, chân rồng thanh mảnh. Râu thoát ở hàm trên ra có hai đường sóng cuộn vào nhau và toàn thể phập phồng như một chiếc lá bị gió thổi hay ngọn lửa. Cái bờm sau gáy thoát ra nhiều đợt, từ dưới cổ họng cuộn cuộn bốc lên, lượn nhịp nhàng về đằng

trước hoặc lướt về đằng sau như một lá cờ đuôi nheo đang bay trước gió, luôn luôn tạo nên một nhịp điệu tương đồng với thân rồng. Con rồng được tạo nên từ tư thế nhìn nghiêng. Tuy là hình chạm nổi nhưng được diễn tả một cách linh hoạt rất lưu loát.

Những công trình kiến trúc bằng loại gạch đất nung được trang trí khắc những hình nổi hẳn lên và được gắn vào phía ngoài đã góp phần tăng thêm vẻ thẩm mỹ cho cây tháp và giá trị nghệ thuật cho toàn bộ các công trình ở đây.

Đồ gốm, sành bao gồm 12 loại hình, chủ yếu là đồ gốm dân dụng phản ánh cách dấu vết sinh hoạt, với các loại hình: bát, đĩa, chén, nắp đậy... Có 3 loại nhóm niên đại. Nhóm thứ nhất, thế kỷ XII-XIV: đồ gốm có các loại men trắng ngả vàng, men nâu, men ngọc. nhóm thứ hai, thế kỷ XV-XVIII: đồ gốm các loại men trắng vẽ lam, men trắng chiếm số lượng lớn với loại men trắng ngả xám. Men trắng ngả xám xướng gốm màu đỏ có niên đại thế kỷ XVIII. Nhóm thứ ba Thế kỷ XIX ngả xanh, men lam mờ nhòe. Bên cạnh số ít đồ gốm Việt Nam, có đồ gốm Trung Quốc được sản xuất ở các lò vùng Quảng Đông.

Chùa Đọi Sơn còn lưu giữ kho tàng di sản Hán Nôm phong phú và rất có giá trị. Đây chính là nguồn tư liệu quý đã đúc kết tinh hoa văn hoá của nhiều triều đại phong kiến, từ tri thức dân gian đến tri thức bác học. Nguồn tư liệu này bao gồm: các tập kinh, kệ; văn tế, văn khấn, văn cúng, văn châu, văn bia; hoành phi, câu đối, bài châm, thẻ bài, thơ, phú... Đó là tài sản vô giá của dân tộc.

2.2. LỄ HỘI

2.2.1. Lễ hội truyền thống chùa Đọi Sơn

Lễ hội chùa Đọi bắt đầu được tổ chức vào năm 1840 mà có thể trước đó nó cũng được tổ chức vào một ngày nào đó nhưng quy mô nhỏ hơn. Hàng năm, từ ngày 19 đến ngày 21 tháng 3 âm lịch, chùa Long Đọi Sơn mở hội. Nhân dân trong vùng và rất nhiều du khách thập phương đã về đây lễ Phật và văn cảnh chùa. Lễ hội tổ chức nhằm tưởng niệm Phật, Bồ Tát; bày tỏ lòng tôn kính của nhân dân đối với vua Lý Nhân Tông, Vương phi Ý Lan và những người có công mở mang xây dựng chùa. Đây là lễ hội lớn nhất xã Đọi Sơn và cũng là lễ hội mang tính chất chung cho toàn vùng.

2.2.1.1. Thời gian, không gian, địa điểm diễn ra lễ hội

Hàng năm lễ hội chùa Long Đọi Sơn tổ chức từ ngày 19 tháng 3 đến hết ngày 21 tháng 3 âm lịch, tại xã Đọi Sơn. Thời gian tổ chức lễ hội có liên quan đến ngày

mất của vị hòa thượng Thích Chiêu Thường. Ông là người có công rất lớn trong việc xây dựng và mở mang phát triển chùa Long Đọi Sơn. Ông đã cùng một lúc trụ trì 3 chùa, đó là chùa Thọ ở Thường Tín, chùa Ba Đảo ở Phú Xuyên nhưng nơi chính vẫn là chùa Long Đọi. Sách nhà Phật còn lưu giữ tại chùa có ghi: vị chân tu đạo cao đức trọng đã có lần vào Thanh Hóa cầu nguyện cho mẹ vua (quốc mẫu) khỏi bệnh và được vua ban thưởng cho một đôi đũa Kim Giao và một chén ngọc. Nhưng rất tiếc những vật có giá trị này đã bị mất trong cuộc kháng chiến chống Pháp năm 1947.

2.2.1.2. Chuẩn bị lễ hội

Phần chuẩn bị lễ hội có hai nội dung chính: cử người viết văn tế và luyện tập tế lễ. Trước khi mở hội, các quan viên đã họp bàn rất cẩn thận và cử người viết văn tế. Người viết văn tế phải là người giỏi chữ Hán nhất làng, chữ phải đẹp, uy tín trong làng và được dân chúng tôn trọng. Công việc soạn tả văn tế được gọi là tả văn, người soạn văn tế được gọi là biên văn.

Ngay từ đầu tháng 3 âm lịch, một số tổ hội, nhóm hội như ban tế lễ, phường bát âm, phường trống, phường chèo đã bắt đầu tập luyện. Tế lễ là công việc rất quan trọng, trước đây do các quan viên kì mục như tiên chỉ, thứ chỉ, chánh hội, lý trưởng, phó lý và các hội đồng tư văn đảm nhiệm. Hiện nay tế lễ do Ủy ban nhân dân huyện Duy Tiên chỉ đạo phòng văn hóa huyện kết hợp với chính quyền địa phương xã Đọi Sơn để tổ chức lễ hội chùa Long Đọi Sơn. Thông thường ban tế lễ có khoảng 32 người nữ và 32 người nam chia thành 2 đội tế nam quan và tế nữ quan. Trong lễ hội chùa Đọi Sơn thì tế nữ quan giữ vai trò chủ đạo. Chính vì thế mà đội tế này được chuẩn bị rất công phu với hài bia, áo vàng, đai khăn. Tuổi của người tham gia tế được quy định rất rõ ràng về độ tuổi, thường thấp nhất là 40 tuổi mới được tham gia vào đội tế.

2.2.1.3. Diễn trình lễ hội

Xưa và nay, trước khi diễn ra lễ hội nhân dân địa phương làm lễ mộc dục, lễ tắm tượng hay còn gọi là lễ rước nước. Nước được đem về từ chiều hôm trước để tắm tượng Phật, lau chùi đồ thờ. Lễ rước nước thể hiện sự cầu mong mưa thuận gió hòa và cuộc sống ấm no cho cư dân.

Trước đây vào đúng ngày 19 tháng 3 âm lịch hàng năm, đại diện cho các chức sắc của triều đình có mặt tại đây là tổ chức khai lễ. Khi xưa các chức sắc thường tập trung tại văn chỉ hàng tổng (một địa điểm cạnh chùa) để nghỉ ngơi chuẩn

bị cho lễ hội. Địa điểm trên chỉ còn lại bia đá. Ngày nay việc tổ chức lễ hội chùa Đọi Sơn với quy mô rộng hơn. Trong ngày lễ chính có các đại biểu đại diện Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam và các sở, ban ngành của tỉnh. Đại diện của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Duy Tiên cùng các ban, ngành của huyện, khách mời của các huyện bạn và rất đông đảo bà con quê hương Đọi Sơn và khách thập phương. Sáng sớm ngày 19 tháng 3 âm lịch đoàn rước kiệu hành lễ từ chân núi lên chùa làm lễ dâng hương, tưởng niệm Thần, Phật, Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông, Nguyên phi Ý Lan - những người có công mở mang xây dựng chùa và thể hiện tư tưởng Phật giáo theo bản sắc riêng của cộng đồng cư dân trồng lúa nước. Thành phần đoàn rước bao gồm: đội múa rồng, đội múa lân, múa sư tử, đội bát âm, kiệu lễ, đoàn tề, đoàn đại biểu và du khách thập phương.

Đoàn rước tập trung tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đọi Sơn (trước kia khi chưa có UBND xã thì tập trung tại đình làng Đọi Tam). Đội hình dâng hương khoảng 30 người nữ mặc áo vàng, quần trắng. Đi đầu là đội múa rồng, múa sư tử. Tiếp sau đến đội khiêng kiệu, đội này gồm có 8 cô gái trẻ đẹp, có thể ăn mặc đồng phục áo dài trắng hoặc mớ ba mớ bảy dân gian; 8 trai tráng đi hộ kiệu ăn mặc áo nẹp đỏ, thắt lưng bó que, đầu chít khăn đỏ. Sau đội khiêng kiệu trước cửa nhà bia, kiệu lễ được đặt trước lễ đài, hai bên kiệu là 8 cô gái đứng nghiêm trang, đội rồng, sư tử đứng bên phải lễ đài, đội dâng hương nữ đứng bên trái lễ đài. Từ 9 giờ đến 10 giờ diễn ra nghi thức lễ Dâng hương. Từ 10 giờ đến 10 giờ 30 tổ chức lễ dâng hương và thắp hương niệm Phật của đoàn đại biểu và du khách; sau đó tế nam quan, tế nữ quan tạ ơn Trời Phật.

Sau phần nghi lễ linh thiêng là đến phần hội sôi nổi. Cũng như nhiều lễ hội ở các vùng quê khác, phần hội trong lễ hội chùa Đọi Sơn gồm rất nhiều trò chơi dân gian truyền thống như đấu vật, chọi gà, nấu cơm thi, dệt vải, bơi thuyền, hát chèo, hát đối, hát giao duyên, đánh cờ... Những trò chơi này nhằm ca ngợi công lao, tài trí của vua Lý Thánh Tông, Vương phi Ý Lan và tái hiện cảnh thanh bình của nước Đại Việt với nền nông nghiệp thời Lý.

Vào ngày 20, nhân dân địa phương và các vùng lân cận tụ hội về chùa lễ Phật. Hôm đó có một số hoạt động tâm linh như: lễ Dâng hương cúng Phật; chay đàn; thực hiện một số trò chơi có liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo, phong tục; buổi tối có hát chèo hoặc hát giao duyên nam, nữ ở sân chùa. Lễ Dâng hương là

nghi lễ, nghi thức quan trọng nhất trong hội chùa vùng đồng bằng Bắc Bộ nói chung và trong hội chùa Đọi nói riêng.

Ngày 21 là ngày chính thức diễn ra lễ hội và cũng là ngày giã hội. Trong ngày này tế tổ là một nghi lễ rất quan trọng. Ngoài ra còn nhiều nghi thức khác như Rước kiệu, Dâng hương, Tế lễ kỳ yên. Bên cạnh đó còn tổ chức nhiều trò chơi, trò thi đấu thể thao và nghệ thuật, liên quan đến tín ngưỡng, phong tục, giải trí ở dưới chân núi xung quanh chùa.

Nhân dân trong vùng và du khách gần xa về với lễ hội chùa Đọi Sơn để tưởng nhớ về cội nguồn, hành hương về với thần Phật, tham quan di tích lịch sử, văn hóa, thắng cảnh để cầu nguyện sự may mắn trong cuộc sống.

2.2.1.4. Một số trò hội tiêu biểu

Hội chùa Đọi cũng như hội chùa của nhiều địa phương khác thuộc tỉnh Hà Nam nói riêng, thuộc khu vực đồng bằng Bắc bộ nói chung, bên cạnh các nghi thức, nghi lễ, còn có nhiều trò vui, trò chơi, trò thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật. Là một trong những trung tâm Phật giáo lớn ở phía Nam kinh đô Thăng Long, chùa Đọi và hội chùa Đọi có nhiều trò chơi, trò giải trí, trò thi đấu thể thao- văn nghệ có liên quan đến tín ngưỡng, phong tục.

Lễ hội được tổ chức để tưởng nhớ công ơn của vua Lý Nhân Tông, Nguyên Phi Ý Lan, người đã có công mở mang xây dựng chùa. Vào những ngày lễ hội ngoài những nghi lễ chính, hội có nhiều trò chơi dân gian như hát chèo, hát đối, hát giao duyên, thi nấu cơm, bơi thuyền, múa tứ linh, đấu vật, hội chọi gà, tổ tôm điếm, đánh cờ người, thi dệt vải.

a) Trò chọi gà

Trò chọi gà là trò hội tương đối phổ biến trong hội hè, hội tết ở các làng quê vùng đồng bằng và trung du Bắc bộ. Trò chọi gà xuất hiện từ bao giờ? Câu hỏi này rất khó vì chưa có tư liệu tin cậy. Có người nói nó có từ thời Trần, dựa vào văn bản *Hịch tướng sĩ* do Hưng Đạo Đại Vương viết khi vạch ra thói chơi bời, lêu lổng của mộ số tướng sĩ, Hưng Đạo Đại Vương chỉ ra một trong nhiều nguyên nhân là do ham mê chọi gà. Cũng có người nói nó xuất hiện từ thế kỷ XV. Nếu căn cứ vào sách *Mùa xuân và phong tục Việt Nam* thì nhiều khả năng trò chọi gà hình thành từ thời Bắc thuộc, cách ngày nay hơn một ngàn năm [25, tr.48]. Xuất hiện sớm nhưng đến thời Trần mới trở thành thú chơi phổ biến thu hút nhiều tướng sĩ dưới quyền Hưng Đạo Đại Vương tham gia.

Do số chủ gà chọi của địa phương và các làng lân cận như Phú Lý, Kiện Khê, Quế Quyền đăng ký tranh giải đông nên ban Khánh Tiết phải cử ra một ban chuyên trách, gồm ba trọng tài, một thư kí, một phụ trách. Địa điểm thi đấu là sân chùa hoặc một khoảng đất bên ngoài tường bao của chùa. Tại đó người ta bố trí hai xới, mỗi xới rộng 4 mét vuông, quây cát xung quanh. Nền xới cũng trải cát. Việc quây cát giúp gà chọi thuận chân ra đòn, cũng để khán giả cổ vũ thoải mái phía ngoài, không gây ảnh hưởng tiêu cực đến hai đối thủ bên trong. Có chứng kiến cuộc tranh tài giữa hai con gà chọi mới biết nó rất khốc liệt, không khoan nhượng.

Thể thức chọi gà như sau: trước hết đấu loại, theo vòng tròn. Những con ngang trọng lượng sẽ được ghép thành một cặp đấu. Con thắng ở trận đấu sẽ được vào vòng trong. Con thắng ở vòng trong sẽ được đấu tranh giải Ba. Con thắng ở vòng ba sẽ vào đấu tranh giải Nhì. Rồi những con đạt giải Nhì sẽ được vào đấu tranh giải Nhất, nghĩa là phải trải qua 4 vòng đấu mới ngã ngũ kết quả.

Chọi gà có nhiều thể đánh, như thể đê, thể đánh né, thể đánh vào hai bên cánh, đánh đòn dọc, đánh vào chỗ hiểm, cưa cần... Mỗi thể đánh đều hiểm độc, uy lực mạnh, gây thương tích cho đối thủ. Trong quá trình chọi có những con thua phải chạy nhưng cũng có những con dù đầu, cổ, cánh thương, máu me be bết, vẫn chiến đấu cho đến chết, chứ không bỏ chạy. Thể mới đáng phục.

Chọi gà tính theo hiệp. Mỗi hiệp 5 phút, 10 phút hoặc 15 phút, tùy theo quy định của trọng tài. Cứ hết một hiệp thì gọi là một “hò”. Sau mỗi hò trọng tài sẽ cho cặp đấu nghỉ 5 phút rồi lại đấu tiếp, cho đến lúc phân định thắng thua rõ ràng. Mở đầu các hiệp đấu, các chủ gà vào gian giữa tòa Tiền đường vái Phật, Thần bốn vái, coi đó là hình thức xin phép. Kết quả hiệp đấu cuối, các chủ gà cũng vào tòa Tiền đường vái Phật, Thần để tỏ ý biết ơn. Dù vậy, họ rất phấn khởi hi vọng gặp nhiều may mắn, phúc lộc dồi dào.

Chọi gà là môn thể thao hấp dẫn được đông đảo khán giả cổ vũ. Nó không chỉ là trò giải trí mà còn là trò chơi đề cao tinh thần thượng võ, di dưỡng tính tình. Có thể đó là lí do nó xuất hiện ở hội làng, trong lễ tiết hàng ngàn năm qua và được duy trì lâu dài.

b) Hát giao duyên

Ngoài trò chọi gà, hội chùa Đọi còn có diễn xướng giao duyên nam, nữ. Trò này được tiến hành ngay ở sân chùa hay ở Tam quan, vào buổi tối hoặc ban ngày do sự sắp xếp của ban Khánh tiết và ban tổ chức. Tham dự có các nam thanh và nữ tú

diện son trẻ thanh tân. Thể thức hát giao duyên như sau: nam ngồi một bên, nữ ngồi một bên, ngoảnh mặt vào nhau. Số người tham dự một “canh hát” khoảng tám đến chín người cho mỗi bên.

Cách thức hát rất đơn giản. Bên nữ sẽ hát trước, bên nam hát đáp lại hoặc ngược lại. Nếu bên nào không hát đối hay hát đáp được là thua cuộc sẽ ra cho tốp khác vào thay thế. Thời gian hát sinh hoạt khoảng từ 2 giờ đến 4 giờ đồng hồ.

Thể thức và cách thức hát này rất giống với trò hát giao duyên trong hội đình làng An Mông, ngã ba sông Móng. Chủ đề chính mà các làn điệu dân ca sông Móng hướng tới là tình yêu lứa đôi, tình yêu quê hương đất nước, tình hiếu thuận với cha mẹ, lễ sống giữa con người với con người. Chủ đề đậm nhất toát lên từ hát giao duyên trong hội chùa Đọi chính là tình yêu đôi lứa. Tại nơi thờ phụng thiêng liêng, người ta tổ chức hát giao duyên nam nữ, là đã mượn cái vỏ tôn giáo tín ngưỡng để dung chứa tình yêu đôi lứa, khát vọng yêu thương trần tục của tuổi trẻ. Cũng từ đó người ta rút ra trải nghiệm rằng, chớ nên câu nệ quá vào cái vỏ ngôn từ, vào cái vẻ bề ngoài. Gạt cái vỏ tôn giáo và tín ngưỡng đi mới thấy cốt lõi của nó chính là tình người, tình đời, là tấm lòng nhân ái, nhân văn, chứ không phải là cái gì huyền hoặc, xa vời.

Hát giao duyên trong hội chùa Đọi là một mỹ tục, cần được duy trì lâu dài. Nhờ có hát giao duyên mà hội chùa Đọi thêm đông vui, có sức lôi cuốn Phật tử và khách thập phương.

c) Hát chèo

Không chỉ có hát giao duyên mà hội chùa Đọi còn có hát chèo. Đây là loại hình tổng hợp rất được các cư dân nông nghiệp đồng bằng sông Hồng ưu chuộng. Hầu hết làng quê nào khi mở hội cũng mời phường chèo đến biểu diễn góp vui. Ở hội chùa Đọi hát chèo được tổ chức vào buổi tối ngày 19 và 20 tháng ba âm lịch. Khán giả chủ yếu là bà con trong xã Đọi Sơn. Sân khấu là sân chùa, để thông thoáng cả bốn phía, không có phong màn che chắn như sân khấu ngày nay. Sân diễn cũng chỉ là chiếu trải chứ không phải sàn gỗ. Vì vậy mà được gọi là chèo sân đình.

Những vở chèo thường được biểu diễn như: Quan Âm Thị Kính, Trương Viên, Lục Bình – Dương Lễ, Nhị Độ Mai, Tấm Cám, Tống Trân Cúc Hoa, Chu Mãi Thân (Tuần Ty Đào Huế) và Phương Hoa. Vở chèo không có kịch bản, không có đạo diễn chuyên nghiệp như bây giờ, nhiệm vụ đó do ông Trùm đảm nhiệm, các diễn viên phải nhập tâm qua truyền miệng. Diễn viên bao gồm đào, kép vốn là

nông dân quanh năm bán mặt cho đất, bán lưng cho trời, vì yêu nghệ thuật mà tham gia phường chèo, diễn chèo. Tuy nhiên khi biểu hiện họ rất thăng hoa, hát hay múa giỏi, đủ sức để chinh phục những khán giả khó tính. Về phía khán giả thì họ tỏ thái độ yêu thích với sân khấu chèo sân đình “*Ăn no rồi lại nằm khèo, nghe tiếng tống chèo bẻ bụng đi xem*”. Các diễn viên hát hay múa giỏi thỉnh thoảng lại được các chức sắc, chức dịch cao húng “thưởng tiền”, một cách động viên, khích lệ thiết thực.

d) Thổi cơm thi

Thổi cơm thi là trò chơi rất được thịnh hành của phủ Lý Nhân xưa nói riêng, trong hội làng vùng đồng bằng Bắc Bộ nói chung. Mục đích của cuộc thi là suy tôn những người khéo tay, tháo vát đồng thời đề cao sản vật nông nghiệp, là lúa và gạo. Tham gia cuộc thi có người của bốn thôn thuộc tổng Đọi Sơn xưa, nay hầu hết thuộc xã Đọi Sơn đó là Đọi Tam, Đọi Trung, Đọi Trung, Đọi Lĩnh và Trung Tín.

Mỗi thôn cử một cặp đôi gồm nam và nữ, diện son trẻ thanh tân. Bốn thôn có bốn cặp thi đấu. Dụng cụ thi đấu có một đòn gánh tre, một đôi quang sắt, một niêu sành có nắp đậy cũng bằng sành, đôi đĩa cả bằng tre, một bó thanh nửa đã khô, dài khoảng một mét rưỡi, một nắm bụi nhùi và hai thanh nửa nhỏ. Sau khi vo gạo xong, đổ vào niêu và cho nước lã ở mức vừa phải, theo kinh nghiệm dân gian. Người nữ đặt niêu sành vào một bên đáy quang, bên đáy quang đối diện đặt một hòn đá có trọng lượng tương đương với niêu cơm để giữ thăng bằng. Chấm giải là bốn quan viên đại diện cho bốn thôn, gọi là ban Trọng tài. Để tạo không khí cho cuộc thi người ta bố trí trống đại thức giục người dự thi.

Khi trọng tài chính hô “Một, hai, bắt đầu” thì các cô gái đặt gánh niêu cơm lên vai thong thả đi hướng ngược chiều kim đồng hồ (từ phải sang trái). Chàng trai dùng bụi nhùi và hai thanh nửa để kéo lửa. Động tác kéo lửa phải thận trọng, đúng kỹ thuật. Khó nhất là điều chỉnh ngọn lửa để nó không cháy to quá, dễ cháy cơm, cũng không quá nhỏ vì như thế gạo sẽ không chín thành cơm được. Vì diễn trường thổi cơm thi ở sân chùa, rộng rãi, quang đãng cho nên gió thổi to, dễ bị tắt lửa dẫn đến cơm sũng hoặc sượng. Gặp tình huống ấy, chàng trai phải biết chuyển bó nửa theo chiều thuận, cùng hướng với gió thì mới không bị tắt lửa.

Các cặp thi cứ đi theo chiều ngược kim đồng hồ khoảng chục lên đến khi trọng tài tuyên bố hết giờ thì dừng lại. Các trọng tài cùng nhau chấm điểm cho bốn niêu cơm. Yêu cầu kỹ thuật là cơm không khô thành từng tảng, không bị cháy niêu,

cũng không bị nhão, bị nát, cũng không bị hơi khói. Com chín tới, toi xốp và đạt yêu cầu. Bát com đó sẽ được đưa lên bàn cúng Phật. Cặp đôi thổi com thi đạt tiêu chuẩn đạt giải Nhất sẽ được ban trọng tài thay mặt ban Khánh tiết trao giải thưởng. Giải thưởng không cao, song người nhận giải cũng rất vui vẻ, hy vọng gặp được nhiều may mắn, phúc lộc song toàn.

e) Đấu vật

Lễ hội chùa Đọi tổ chức đấu vật thể hiện rõ tinh thần thượng võ của nhân dân ta đặc biệt là vùng Hà Nam quê hương vật Liễu Đồi. Đấu vật tái hiện lại cảnh thanh bình của đất nước thời vua Lý Nhân Tông đồng thời cũng là niềm tự hào của người dân nơi đây khi vùng Đọi Sơn cách Liễu Đồi không xa.

Sân tổ chức là một bãi cỏ rộng trước cửa Tam Quan. Trò chơi đấu vật thường được tổ chức vào ngày 20 tháng 3 âm lịch. Có năm hội đấu vật được tổ chức khá lớn và có giấy mời tới các đội vật của huyện Lý Nhân, Thanh Liêm và đội vật của huyện Duy Tiên đến đây thi đấu giao hữu. Đấu vật ở đây không nặng về thi đấu mà chủ yếu là thể hiện những thế võ đẹp mắt khi uyển chuyển, khi mạnh mẽ của môn vật dân tộc và thế võ truyền thống của quê hương Hà Nam. Ngoài ra khán giả nào muốn tham gia thi đấu thì đăng kí với ban tổ chức; họ có thể đấu với những khán giả khác hoặc thi đấu với các thành viên của một đội vật.

Trang phục của các thành viên trong đội vật là cởi trần đóng khố. Những võ sĩ nghiệp dư tuy không có những thế võ đẳng cấp nhưng lại đem lại tiếng cười cho khán giả. Người tham gia thi với tinh thần giao hữu là chính và vật theo kiểu tự do. Họ chơi hết mình để tìm giây phút thư giãn trong cuộc sống. Sau khi tham gia đấu vật mặc dù bị bẩn hết quần áo nhưng họ vẫn vui vẻ vì họ được tham gia vào những trò chơi. Khu vực lễ hội sôi động bởi những tiếng cổ vũ, hò reo vang lên.

Hiện nay, lễ hội chùa Đọi được tổ chức sớm từ ngày 17 tháng ba âm lịch. Bên cạnh các trò chơi dân gian truyền thống còn xuất hiện các trò chơi mới được du nhập từ các lễ hội trong nước, như trò phi tiêu, gấp thú, bắn thú,... Cách từ ngoài cổng chùa khoảng nửa cây có các gian hàng bán đồ lưu niệm, ẩm thực, các trò chơi... thu hút đông các du khách trong và ngoài vùng, đặc biệt là lứa tuổi học sinh tham gia nô nức, sôi nổi. Có một khu vực tổ chức trò chơi dành cho các trẻ nhỏ như tàu chạy, nhà bóng... còn có một “nhà ma” dành cho những du khách thích mạo hiểm.

Như nhiều hội làng, hội liên làng khác, hội chùa Đọi có lệ kiêng kỵ. Đây là kiêng nhắc đến tên húy của các vị thần được phối thờ như Ý Lan Thái hậu, Lý Càn Đức, Lý Thường Kiệt. Khi cần phải nêu tên thần thì phải đọc chệch đi. Người nào vi phạm sẽ bị nhắc nhở, bị phạt, thậm chí bị cấm đến nơi đình trung điểm sở vào dịp làng có hội hè, đình đám. Vì là hội chùa chứ không phải hội đền nên về lễ vật ban Khánh tiết cấm không sử dụng lễ mặn, như thịt lợn, thịt gà, thịt bò, thịt trâu, thịt dê. Làng xóm chỉ cúng tế Phật, Thần bằng lễ chay, cụ thể là lục cúng như hương, đăng, hoa, quả, thực (xôi, oản) và trà.

Khoảng ba giờ chiều ngày 21 tháng ba âm lịch, khi các nghi thức, nghi lễ và trò chơi đã hoàn tất, các nhà sư, các chức sắc, chức dịch, quan viên và dân chúng vào tòa Tiền đường lễ tạ Phật, Thần, không quên kêu cầu các ngài Âm phù hộ để quốc thái dân an, làng xóm thịnh đạt. Các chân kiệu, đội cờ, đội kèn trống đưa kiệu và long ngai, bài vị thần linh thôn nào về thôn đây, lễ yên vị, đóng cửa chùa, đình, đền, kết thúc ngày hội sôi nổi, thiêng trọng. Dân sở tại và khách thập phương tạm biệt chùa Đọi ra về với nhiều hi vọng mới.

Lễ hội chùa Đọi mang tính chất Phật giáo nên việc tổ chức cần đầu tư và chuẩn bị kỹ càng để các nghi lễ, trò chơi cổ truyền được lưu giữ. Cần phải đề ra những biện pháp để giữ gìn và phát huy các trò chơi dân gian. Một hai năm nay mỗi dịp lễ hội được tổ chức chặt chẽ, tỉ mỉ hơn; chính quyền địa phương cử đội ngũ cán bộ công an xã, huyện để đảm bảo trật tự an ninh cả ngày lẫn đêm. Ngày nay lễ hội chùa Long Đọi Sơn đã trở thành tâm điểm của cả xã, cả tỉnh và có sức hút lớn đối với các du khách khắp nơi về văn cảnh chùa và tham gia lễ hội.

2.2.2. Lễ hội Tịch điền Đọi Sơn

Ngoài các lễ hội, sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng liên quan đến Phật giáo, chùa Đọi Sơn còn gắn liền với một di sản văn hóa phi vật thể vô cùng độc đáo và có giá trị, được ghi danh vào danh sách di sản văn hóa phi vật thể quốc gia đó là Lễ hội Tịch điền xã Đọi Sơn. Lễ hội liên quan đến sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng của cả một khu vực rộng lớn.

Sử sách ghi chép lại, mùa Xuân năm Đinh Hợi (987), vua Lê Đại Hành (tức Lê Hoàn) – vị quân vương vốn coi trọng nông nghiệp đã cùng văn võ bá quan cày ruộng ở Đọi Sơn, mở đầu mỹ tục tốt đẹp cho dân tộc.

Khi cày ruộng Tịch điền ở Đọi Sơn, vua bắt được chum vàng. Năm 988, nhà vua cày ruộng ở Bàn Hải bắt được chum bạc, vì thế những thửa ruộng này về sau

được gọi tên là Kim Điền, Ngân Điền. Từ đó, nhiều đời vua sau như Lý, Trần, Hậu Lê vẫn tiếp tục duy trì lễ Tịch điền. Đến triều Nguyễn, lễ Tịch điền có nhiều "niêm luật" cụ thể, tổ chức quy mô hơn, do bộ Lễ chủ trì. Sau một thời gian thất truyền, năm 2009 lễ hội Tịch điền được phục hồi lại và được duy trì cho đến ngày nay.

Sự tích lịch sử Mùa xuân Đinh Hợi năm 987 ấy, đích thân bậc quân vương xuống đồng cày ruộng đã để lại bao ý nghĩa tốt đẹp cho dân tộc, một thông điệp ý nghĩa mà vô cùng đơn giản lưu truyền cho hậu thế, đó là khuyến khích phát triển nông nghiệp. Lễ hội Tịch điền đã trở thành một nét văn hóa tâm linh, là di sản văn hóa của dân tộc.

Lễ hội Tịch điền không chỉ thể hiện sự quan tâm của nhà nước đối với người nông dân, mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc, mà còn giáo dục thế hệ trẻ về lòng biết ơn thế hệ trước để từ đó có ý thức tích cực phát triển sản xuất nông nghiệp để đời sống được no đủ, hạnh phúc.

Nghi lễ chính của lễ hội là tái hiện hiện huyền tích từ thời Thập đạo tướng quân Lê Hoàn (sau này là vua Lê Đại Hành). Nhận thấy vùng núi Đọi sông Châu có vị trí chiến lược quan trọng đối với kinh đô Hoa Lư nên khi lên ngôi, Lê Đại Hành về chân núi Đọi cày ruộng để khuyến khích mở mang nông trang. Thông thường theo nghi lễ, lễ hội Tịch điền sẽ được tiến hành theo thứ tự: Vua Lê Đại Hành (do một vị bô lão của làng Đọi nhập thế, khoác long bào) cày 3 sá, lãnh đạo cấp cao, lãnh đạo tỉnh cày 5 sá, lãnh đạo huyện cày 7 sá, lãnh đạo xã và các bô lão cày 9 sá.

Phát huy những giá trị của lễ hội, hiện nay, tham dự lễ hội là sự góp mặt của những vị lãnh đạo cấp cao Nhà nước, cho thấy tư tưởng trọng nông, khuyến nông được xuyên suốt trường tồn, luôn được hiện diện ở mọi thời đại. Có rất nhiều chính sách, điều luật khuyến khích phát triển sản xuất, chăm lo đời sống nông dân đã được đề ra, nhằm thúc đẩy nông nghiệp phát triển để cuộc sống nông dân thêm ấm no.

Mỗi năm lễ hội diễn ra là sự lần nhắc nhở chúng ta nhìn nhận sự phát triển nông nghiệp gắn với phát triển công nghiệp trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2.2.3. Giá trị của di tích lịch sử văn hóa Long Đọi Sơn tự

2.2.3.1. Giá trị về lịch sử - văn hóa

Ngôi chùa và cây tháp cổ được xây dựng dưới triều vua Lý Nhân Tông từ lâu đã được nhiều người biết đến. Xã Đọi Sơn, huyện Duy Tiên có một trung tâm quần

thể di tích – danh thắng là Núi Đọi, chùa Long Đọi Sơn. Vào năm 1054, ngôi chùa được xây dựng do vua Lý Thánh Tông và vương phi Ý Lan chủ trì (do tể tướng Dương Gia Đạo và thiền sư Đàm Cứu Chỉ đến trụ trì và tham gia xây dựng). Tháng 5, năm H ội Tường Đại Khánh thứ 9 (1118), Lý Nhân Tông xây tháp Sùng Thiện Diên Linh, đến mùa thu Thiên Phù Duệ Vũ thứ 2 (1121) được hoàn thành.

Khi khánh thành công trình này, hình bộ thượng thư Nguyễn Công Bật soạn văn bia đã ca ngợi: “*Mặt chùa trông ra sông Kinh, gió lạnh mặt sông như lụa biếc trải ra, lưng chùa quay về núi Điep, mưa tan dáng núi như gấm xanh thêm sáng*”. Từ lâu ngôi chùa đã là niềm tự hào của người dân nơi đây. Trải qua nhiều biến cố thăng trầm của lịch sử, ngôi chùa vẫn giữ được những nét cổ kính, linh thiêng tiêu biểu cho phong cách kiến trúc, mỹ thuật của thời Lý. Thời Lý, chùa Long Đọi được xếp hạng là “Đại danh lam” kiêm hành cung, đến thời Pháp được Viện Viễn Đông Bác Cổ liệt vào hạng các cổ tích danh thắng cần được bảo vệ.

Về mặt khảo cổ, kết quả khảo cổ đã tìm thấy nền móng, các vật liệu kiến trúc cùng nhiều hiện vật thời Lý như tiêu bản trang trí, đồ gốm, đồ sành, kim khí. Bên cạnh đó còn có hai ngôi mộ cổ thời Hậu Lê nằm ở rìa phía Bắc Đầm vực, phía đông Ao Âu, cách núi Đọi khoảng 300 m về phía Nam. Hai ngôi mộ giúp chúng ta hiểu thêm về phong tục mai táng và sự phân hóa giàu nghèo thời đó. Văn từ, thờ Khổng Tử, huyện Duy Tiên cũng là một di tích có giá trị. Trước đây văn từ có quy mô khá lớn nhưng bị thực dân Pháp phá hủy lấy vật liệu về xây bốt Điep. Hiện nay chỉ còn 6 bia đá, trong đó có 3 bia còn đọc được. Văn bia cho biết những người đỗ đạt của huyện từ thời Hậu Lê đến Nguyễn. Thông qua nhóm hiện vật, chúng ta đã có thêm những hiểu biết mới về cây tháp Sùng Thiện Diên Linh. Qua đó có thể khẳng định và cụ thể hóa sinh động các ghi chép văn bia và sử thành văn, góp phần nhận thức về kiến trúc tháp thời Lý cũng như phần nào phục dựng lại mặt bằng của chúng mà kết quả nghiên cứu hiện còn nhiều hạn chế. Nhóm sưu tập hiện vật trang trí đã thể hiện trình độ sáng tạo và tư duy thẩm mỹ cao của các nghệ nhân thời Lý cùng sự phong phú và đa dạng về loại hình. Thông qua đó các vấn đề về kinh tế, văn hóa, xã hội của nước Đại Việt thời Lý sẽ được nhận thức sâu sắc hơn, nhất là về nghệ thuật kiến trúc Phật giáo.

Nét đặc biệt nhất của quần thể di tích chùa Đọi Sơn đó chính là ngôi chùa và cây tháp Sùng Thiện Diên Linh. Bia tháp Sùng Thiện Diên Linh là một hiện vật gốc có kích thước lớn nhất, số chữ khắc nhiều nhất, nội dung phong phú, nghệ thuật chạm khắc độc đáo so với các bia thời Lý còn lại hiện nay ở nước ta và là tấm bia

duy nhất thời Lý trên mảnh đất Hà Nam. Bia tháp Sùng Thiện Diên Linh có nhiều giá trị lớn, có những thông tin quý, hiếm cho việc nghiên cứu lịch sử, văn hóa thời Lý.

Về giá trị lịch sử, bia thuộc nhóm bia có niên đại rất sớm còn lại ở Việt Nam. Tấm bia cung cấp những tư liệu lịch sử quý về cuộc đời và sự nghiệp của vua Lý Nhân Tông và Thái úy Lý Thường Kiệt. Phản ánh triết lý, thuyết lý duyên khởi của Phật giáo, tình hình Phật giáo Việt Nam đương thời. Bia phản ánh các sinh hoạt văn hóa cung đình và dân gian thời Lý. Đặc biệt là hội đèn Quảng Chiêu bảy ngày bảy đêm ở kinh thành Thăng Long, đó là lễ hội kết hợp hai tính chất Phật giáo và thể tục nghi lễ Mật giáo trong Hội được thể hiện đậm nét. Tư liệu về múa rối nước lần đầu tiên gặp ở bia Sùng Thiện Diên Linh và cũng là tư liệu duy nhất mà chính sử không ghi chép. Văn bia cũng cho thấy phần nào quy hoạch kiến trúc của kinh thành Thăng Long đời vua Lý Nhân Tông nói riêng, thời Lý nói chung. Văn bia mô tả những nét cơ bản về Tháp Sùng Thiện Diên Linh, góp phần nghiên cứu và phục dựng lại tháp. Giá trị mỹ thuật, văn học, hình tượng rồng thể hiện dày đặc, độc đáo, điển hình chiếm vị trí chủ đạo ở bia, cùng với hoa văn lá đề, sóng nước ... Đặc biệt đồ án trang trí rồng trong ô quả trám ảnh hưởng của nền văn hóa Đông Sơn. Chữ phi bạch tên bia do Lý Nhân Tông ngự đề chỉ có duy nhất ở bia Sùng Thiện Diên Linh. Mặt trước bia khắc bài văn gồm phần ký và bài minh (88 câu). Phần ký văn phong theo thể biền ngẫu mẫu mực, hoành tráng, uyển lệ, nổi trội so với các văn bia thời Lý khác thường pha trộn biền văn với tản văn. Bài minh của bia Sùng Thiện Diên Linh là một bài thơ hay không chỉ tóm tắt phần ký mà còn thể hiện nghệ thuật tinh diệu trong việc sử dụng ngôn ngữ, nhịp điệu giàu chất âm nhạc...

Cùng với những di sản văn hóa phi vật thể, các di sản vật thể như hệ thống kiến trúc, hệ thống thờ tự, chùa Đọi Sơn còn lưu giữ kho tàng di sản Hán Nôm phong phú, đa dạng và rất có giá trị. Đó là nguồn tư liệu quý giá để đúc kết tinh hoa văn hóa của các lớp người ở nhiều triều đại, từ tri thức dân gian đến tri thức bác học, bao gồm các tập kinh, kệ; văn tế, văn khấn, văn cúng, văn châu; văn bia, hoành phi câu đối, bài châm, thẻ bài, thơ, phú ... Trải qua chiến tranh và thiên nhiên, kho tàng di sản văn hóa Hán Nôm đã bị tàn phá và mai một rất nhiều, nhưng những thạc bản còn lưu giữ lại hiện nay vẫn là tài sản hết sức độc đáo có giá trị vô giá mà ít nơi có được.

2.2.3.2. Giá trị về tôn giáo- tín ngưỡng

Chùa Long Đọi Sơn dưới thời Lý đã từng là trung tâm Phật giáo của trấn Nam Sơn xưa. Không gian văn hóa truyền thống của chùa Long Đọi là nơi thường niên tổ chức lễ hội để tưởng nhớ và tôn vinh vua Lý Nhân Tông cùng Hoàng hậu Ý Lan, những người có công lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước, cũng là người có công xây dựng và mở mang ngôi chùa. Qua tư liệu hiện vật của chùa phản ánh triết lý, thuyết lý duyên khởi của Phật giáo, lịch sử Phật giáo Đại Việt thời Lý, đặc biệt là về các lễ hội Thăng Long -Hà Nội như hội đèn Quảng chiếu, qua đó có thể góp phần tìm hiểu về vị trí thành Thăng Long xưa, tình hình Phật giáo Việt Nam đương thời, đặc biệt là các vị Phật được tôn thờ: Diệu Sắc Thân Như Lai, Quảng Bắc Thân Như Lai, Ly Bồ Úy Như Lai, Cam Lộ Vương Như Lai, Bảo Thắng Như Lai, Đa Bảo Như Lai, A Di Đà Như Lai, trong đó Phật Như Lai Đa Bảo là một vị Phật có địa vị rất quan trọng. nội dung tư liệu còn phản ánh về việc tu sửa chùa Diên Hựu, miêu tả cụ thể về kiến trúc, cảnh quan ngôi chùa. Đây là nguồn tư liệu duy nhất miêu tả chi tiết về chùa Diên Hựu được ghi lại ở bia Sùng Thiện Diên Linh. Hàng năm diễn ra lễ hội Phật giáo nên có một ảnh hưởng lan tỏa trong một vùng rộng lớn và sức hấp dẫn đối với du khách.

2.2.3.3. Giá trị về kiến trúc, nghệ thuật

Chùa Đọi Sơn xưa- nguồn sử liệu quan trọng, đồng thời là một trong những công trình kiến trúc nghệ thuật, phản ánh truyền thống dựng nước, giữ nước, đấu tranh chống ngoại xâm, cần cù lao động sản xuất xây dựng quê hương và phản ánh nhãn quan trí tuệ, khiếu thẩm mỹ tinh tế của người dân Việt Nam. Đây là một công trình kiến trúc tiêu biểu cho phong cách mỹ thuật thời Lý nói riêng và Việt Nam nói chung.

Trước đây quy mô chùa trên 125 gian lớn, nhỏ, thiết kế kiểu nội công ngoại quốc, là một trong số ít những ngôi chùa hiện nay còn lưu giữ được nhiều hiện vật mỹ thuật thời Lý có giá trị như: tượng Đa Bảo Như Lai, tượng Kim Cương, tượng đầu người mình chim (kinari) – tác phẩm thể hiện sự giao thoa văn hóa giữa hai nền kiến trúc nghệ thuật Chăm pa và Địa Việt thời Lý, bia Sùng Thiện Diên Linh – tác phẩm nghệ thuật điêu khắc hoàn hảo phản ánh mỹ thuật và kỹ thuật thời lý đạt đến đỉnh cao rực rỡ.

Quần thể di tích chùa Đọi Sơn là một trong số thắng cảnh nổi tiếng của tỉnh Hà Nam và xứ Sơn Nam xưa. Ngôi chùa cổ kính linh thiêng tọa lạc trên đỉnh núi Đọi đột khởi trên đồng bằng trù phú và phong cảnh nơi đây rất đẹp. Đứng trên đỉnh núi Đọi Sơn nhìn xuống, trông xa phong cảnh tựa như bức tranh thủy mặc. Con

đường bê tông chạy vòng quanh núi thuận tiện cho cả giao thông thủy lẫn bộ. Sát chân núi là làng xóm, mái ngói san sát, dân cư đông đúc và trù phú. Đến đây du khách không chỉ thả mình vào một không gian linh thiêng mà còn được chiêm ngưỡng cảnh núi kỳ vĩ. Cũng chính bởi cảnh đẹp nên thơ ấy mà núi Đọi và chùa Đọi Sơn đã trở thành nguồn cảm hứng cho biết bao thi nhân. Mà cũng chính bởi nguồn cảm hứng ấy mà nhiều bài thơ tuyệt bút đã ra đời. Nhà thơ Nguyễn Khuyến khi đã cáo quan về quê, chống gậy leo lên thăm lại núi Đọi, đứng trên đỉnh núi đã băng khuâng:

“Chùa xưa ở lẫn cùng cây đá

Sư cụ nằm chung với khói mây...” [17, tr.40]

Sự kết hài hòa giữa các yếu tố như hình sông, thể núi, sắc nước, màu trời đã tạo một cảnh quan thiên nhiên sinh động, đầy giá trị nhân văn. Di tích này từ bao đời nay đã đón nhiều khách thập phương, các tăng ni phật tử đến thăm quan văn cảnh.

2.2.3.4. Giá trị văn hóa phi vật thể

Cũng như nhiều lễ hội khác ở nước ta, Lễ hội chùa Đọi Sơn, Lễ hội Tích điền Đọi Sơn cũng được tổ chức nhằm tưởng niệm Thần, Phật, Bồ Tát bày tỏ lòng tôn kính của nhân dân đối với những người có công lao lớn trong việc xây dựng và phát triển chùa. Lễ hội vừa mang tính chất tôn giáo, lại vừa mang tính chất tưởng niệm. những nghi lễ nhìn chung có những điểm tương đồng so với các lễ hội khác ở Việt Nam. Tuy nhiên, bên cạnh những điểm chung ấy, Lễ hội chùa Đọi Sơn, Lễ hội Tích điền Đọi Sơn vẫn có những điểm riêng mà ta có thể phân biệt được với những lễ hội khác, đó là bên cạnh việc tưởng niệm Phật, Bồ tát còn tưởng niệm vua Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông và Hoàng Thái hậu Ý Lan, Lê Đại Hành Hoàng đế - những người có công mở mang, xây dựng chùa, khuyến khích nông tang. Hiếm có ngôi chùa nào có được điều này.

Phần hội có tổ chức các trò chơi: đấu vật, đánh cờ, dệt vải. Những trò chơi này gắn liền với sự tích liên quan đến vua Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông và Hoàng Thái Hậu Ý Lan. Tương truyền rằng khi xưa Vương phi Ý Lan đã có công lao lớn trong việc khai khẩn đất hoang giúp nhân dân trồng dâu nuôi tằm và dệt vải. Đời sống của nhân dân nơi đây vì thế mà no đủ hơn. Để tưởng nhớ công lao của bà nên lễ hội thường có trò chơi thi dệt vải. Đọi Sơn vốn là một mảnh đất màu mỡ, bãi dâu ven sông Châu quanh năm tươi tốt đã nổi tiếng với nghề trồng dâu nuôi tằm. Còn

tài, đức, sức mạnh của vua Lý Nhân Tông đã được thể hiện qua những trò chơi như đấu vật, đánh cờ. Khi xưa, nhà Lý thông qua trò đấu cờ để tìm nhân tài cho đất nước giúp vua chăm dân trị nước. Còn trò đấu vật không chỉ biểu thị tinh thần thượng võ của dân tộc, hình thành từ thời Lý mà còn nhắc đến chế độ thi cử (văn và võ) để chọn người giỏi võ nghệ phục vụ triều đình. Tất cả đã thể hiện cao đẹp của truyền thống uống nước nhớ nguồn.

Cùng với những điều vốn có của ngôi chùa xưa và nay, Lễ hội chùa Đọi Sơn, Lễ hội Tịch điền Đọi Sơn là một biểu hiện cho sức sống mãnh liệt của văn hóa cội nguồn. Đây vừa là nơi thể hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc ta, vừa là môi trường giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa cho thế hệ trẻ, góp phần hun đúc lòng tự hào, tình yêu quê hương đất nước cho người dân trấn Sơn Nam.

Lễ hội còn là dịp để những người dân Đọi Sơn nói riêng và người Hà Nam nói chung quảng bá hình ảnh quê hương Hà Nam với người dân khắp nơi trên cả nước. Đây là một lễ hội kết hợp được tính chất linh thiêng của chùa, phong cảnh núi non hùng vĩ. Du khách đến đây vừa được tham gia lễ chùa, vừa được tham dự lễ hội với những nghi thức cổ truyền kết hợp với hiện đại, vừa được leo núi kết hợp với ngắm cảnh đẹp.

2.2.3.5. Giá trị về du lịch

Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Hà Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030 đã định hướng cụm du lịch huyện Duy Tiên với hạt nhân là điểm du lịch núi, chùa Đọi Sơn và toàn bộ khu vực bao quanh là một trọng điểm cần ưu tiên đầu tư phát triển thành điểm du lịch quan trọng của tỉnh. Năm 2016, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã phối hợp với Công ty cổ phần Quy hoạch và Kiến trúc Việt Nam khảo sát, quy hoạch phân khu chức năng điểm du lịch Lễ hội Tịch điền, Di tích danh thắng chùa Đọi Sơn và làng nghề trồng Đọi Tam, với mục tiêu khai thác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản, cảnh quan thiên nhiên và xã hội nhân văn, nhằm tuyên truyền giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, cách mạng cho các thế hệ, đồng thời đáp ứng nhu cầu tham quan, nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí của nhân dân địa phương, du khách trong và ngoài nước.

Quần thể di tích – danh thắng Đọi Sơn ngày càng khẳng định giá trị lịch sử, văn hóa và du lịch to lớn, khắc sâu thêm biểu tượng của quê hương núi Đọi sông Châu trên bản đồ Hà Nam. Đã gần 1.000 năm trôi qua, chùa Đọi Sơn cùng với đất nước, con người Việt Nam đã chứng kiến biết bao thăng trầm của lịch sử nhưng vẫn

đứng sừng sững giữa đất trời, làm rung động lòng người và con tim của những người con đất Việt.

KẾT LUẬN

Chùa Long Đọi Sơn (Diên Linh Tự), thuộc xã Đọi Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Chùa được xây dựng vào thế kỷ XII dưới thời vua Lý Thánh Tông. Thiền sư Đàm Cứu Chỉ là vị trụ trì đầu tiên của chùa. Đến đời vua Lý Nhân Tông cho xây tháp Sùng Thiện Diên Linh từ năm 1118 đến năm 1121. Tấm bia cung cấp tương đối đầy đủ những thông tin quý hiếm về lịch sử, kiến trúc, mỹ thuật và sự phát triển của Phật giáo vào thời Lý. Trải qua gần một ngàn năm tồn tại với bao thăng trầm, chùa Long Đọi Sơn sau nhiều lần khôi phục, trùng tu nay đã trở nên khang trang bề thế, xứng đáng với giá trị lịch sử - văn hóa của chùa. Chùa Long Đọi Sơn vẫn còn lưu giữ khá nhiều tác phẩm mỹ thuật như 6 pho tượng Kim Cương, tượng đầu người mình chim (Kinari); tượng Quan Âm Thị Kính thế kỷ 18; tượng phật Di Lặc bằng đồng được làm vào thời Tự Đức cùng nhiều pho tượng mới làm được sắp đặt có quy mô.

Lịch sử và truyền thuyết của ngôi chùa, của ngọn núi gắn liền với các đời vua Lê, vua Lý mang đậm dấu ấn về lòng nhân ái, tính nhân văn về những chăm lo cho cuộc sống của muôn dân. Bởi vậy, danh thắng chùa Đọi không đơn thuần là một cảnh đẹp núi non, mây trời sông nước mà còn mang giá trị văn hóa, ý nghĩa truyền thống. Năm 1992, chùa Long Đọi Sơn đã được nhà nước xếp hạng *Di tích lịch sử - văn hóa*. Với những giá trị lịch sử văn hóa, ngày 23/12/2017, di tích chùa Long Đọi Sơn đã được Thủ tướng Chính phủ ký quyết định xếp hạng là *Di tích quốc gia đặc biệt*. Tại buổi lễ, thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Đặng Thị Bích Liên, Thứ trưởng Bộ văn hóa thể thao và du lịch đã trao Bằng công nhận chùa Đọi Sơn là *Di tích quốc gia đặc biệt* cho đại diện lãnh đạo tỉnh, huyện Duy Tiên, xã Đọi Sơn và sư trụ trì chùa Đọi Sơn. Phát biểu tại buổi lễ, đồng chí Liên một lần nữa khẳng định những giá trị về lịch sử - văn hóa, khoa học, kiến trúc, nghệ thuật, nơi tồn tại các giá trị văn hóa phi vật thể, các giá trị về thẩm mỹ, du lịch của chùa Đọi Sơn là niềm vinh dự, tự hào của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Hà Nam, huyện Duy Tiên, thể hiện sự tôn vinh những giá trị lịch sử - văn hóa đặc sắc của các tiền nhân để lại. Đồng thời đề nghị thời gian tới các cấp chính quyền và ngành chức năng cần nhanh chóng triển khai lập quy hoạch tổng thể bảo tồn di tích làm cơ sở cho việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích được lâu dài và bền vững.

Lịch sử chùa Đọi Sơn không những được tạo nên bởi vùng đất mang đậm nền văn minh nông nghiệp lúa nước, trồng dâu, nuôi tằm mà còn là nơi hội tụ những nét văn hóa, kiến trúc, điêu khắc tiêu biểu của các thời đại.

Yếu tố văn hóa và thiên nhiên đã hòa vào nhau với biết bao truyền thuyết: Câu chuyện tịch điền, mở hội thi cà, thi cấy do vua Lê Đại Hành mở vào năm 980-1005 và ông đã đặt tên ruộng vàng, ruộng bạc vào năm 987 để khuyến khích nghề nông phát triển; bến đò thuyền rồng vua Lý, vua Lê, làng trống Đọi Tam, bãi Móm Lợn, bãi Ca Rô, làng nghề chần tằm dệt vải, múa rối nước làng Trung, chín giếng nước tượng trưng cho chín mắt rồng xung quanh núi Đọi đã đi vào huyền thoại. Đọi Sơn, tự nó nói lên sức mạnh trường tồn hơn những gì định nói.

Để thực hiện tốt công tác bảo tồn và phát huy các giá trị của chùa Đọi, Ban quản lí di tích địa phương đã xây dựng các kế hoạch triển khai thực hiện nhằm phát huy các giá trị di sản văn hóa với phát triển du lịch.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I-Sách

1. Bảo tàng tổng hợp Hà Nam Ninh, *Hồ sơ di tích danh lam thắng cảnh Hà Nam Ninh*, 1992.
2. Trương Quốc Bình (2017), *Văn hóa nghệ thuật thời Lý*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
3. Phan Huy Chú (1960), *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 1, NXB Sử Lược, Hà Nội.
4. *Đại Việt sử ký toàn thư* (1993), tập 1, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
5. Đảng bộ xã Đọi Sơn (2009), *Lịch sử Đảng bộ xã Đọi Sơn*, Sở Thông tin và truyền thông tỉnh Hà Nam, Hà Nam.
6. Hội văn học nghệ thuật Hà Nam (2002), *Nhân vật lịch sử văn hóa Hà Nam*, NXB Hội nhà văn, Hà Nam.
7. Lê Thi Thu Hương (2011), *Long Đọi sơn tự nơi du lịch tâm linh*, NXB Thông tấn, tạp chí Tri thức và phát triển, Hà Nội.
8. Lương Hiền (2001), *Danh thắng chùa Đọi*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
9. Lương Hiền (2004), *Truyện dân gian trấn Sơn Nam xưa*, NXB Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
10. Lương Hiền (2000), *Nhân vật lịch sử văn hóa Hà Nam*, NXB Hội nhà văn.
11. *Một số di tích tiêu biểu ở Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia sự thật Hà Nội, 2016.
12. Nguyễn Quang Lê (2001), *Khảo sát thực trạng lễ hội truyền thống của người Việt Nam ở Đồng bằng Bắc Bộ*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
13. Hoàng Lương (2004), *Lễ hội truyền thống của các dân tộc Việt Nam khu vực phía Bắc*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
14. Trần Duy Phương (2004), *Lịch sử Long Đọi Sơn tự*, NXB Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
15. Quốc sử quán triều Nguyễn (1970), *Đại Nam thống nhất trí*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
16. Sở Văn hóa Thể thao tỉnh Hà Nam (2003), *Hà Nam di tích và danh thắng*,

Nxb Thống kê, Hà Nội.

17. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Hà Nam, *Lịch di tích quốc gia đặc biệt chùa Đọi Sơn*, 2017.
18. Hà Văn Tấn (1993), *Chùa Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
19. Đinh Khắc Thuân (2017), *Văn bia Hán Nôm Việt Nam từ khởi thủy đến thời Lý-Trần*, NXB khoa học xã hội, Hà Nội.
20. Vũ Ngọc Khánh (2001), *Tín ngưỡng dân gian Việt Nam*, NXB Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
21. Vũ Ngọc Khánh (2006), *Chùa cổ Việt Nam*, NXB Thanh niên, Hà Nội.
22. Vũ Ngọc Khánh (2008), *Lễ hội Việt Nam*, NXB Thanh niên, Hà Nội.
23. Ngô Văn Vĩnh, Lê Văn Quyết, Nguyễn Văn Thắng, Vũ Văn Diễn, Đoàn Mạnh Phương, Nguyễn Văn Tâm (2004), *Làng nghề Hà Nam-Tiềm năng và triển vọng*, Sở văn hóa thông tin Hà Nam, Sở Công nghiệp Hà Nam, Công ti văn hóa trí tuệ Việt, Hà Nội.
24. Trần Quốc Vượng (1960), *Việt sử lược*, NXB Văn Sử Địa, Hà Nội.
25. Trần Quốc Vượng (2006), *Mùa xuân và phong tục Việt Nam*, NXB Văn hóa-Thông tin, Hà Nội.
26. Nguyễn Như Ý (2017), *Từ điển văn hóa, lịch sử Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

II. Khóa luận, tạp chí

27. Lương Hiền (1997), “Hà Nam ngũ sắc”, *Tạp chí Sông Châu*, (số 1).
28. Lương Hiền, Phương Thủy (1997), “Kí ức sông Châu”, *Tạp chí Sông Châu*, (số 1).
29. Đinh Văn Lương (2014), “Báo cáo thành tích làng nghề Đọi Tam”, *Tạp chí Sông Châu*.
30. Lê Khánh Lương (1999), “Ngày xuân vua đi cày”, *Tạp chí Sông Châu*, (số 13).
31. Trần Đăng Ngọc (1997), “Chùa Đọi Sơn”, *Tạp chí Sông Châu*, (số 1).
32. Lê Phương (2000), “Niên biểu Hà Nam”, *Tạp chí Sông Châu*, (số 19).
33. Nguyễn Thế Vinh (1997), *Gửi người núi Đọi – Sông Châu*, *Tạp chí Sông*

Châu, (số 1).

34. Trần Quốc Vượng (2000), “Núi Đọi- sông Châu biểu tượng của Hà Nam quê tôi”, *Tạp chí Sông Châu*, (số 19).

III. Tài liệu Internet

35. “Hà Nam có 74 di tích cấp quốc gia”, 8/4/2009,

<http://www.hanam.gov.vn>, 9h00, 15/09/2018.

<http://www.hanam.gov.vn/Pages/Ha-Nam-co-74-di-tich-cap-quoc-gia1160276995.aspx?fbclid=IwAR1NVZMHFTwjcF/>

36. “Bí ẩn 9 chiếc giếng chưa bao giờ cạn bên chân núi Đọi”, 27/9/2017,

<http://www.duytien.gov.vn>, 9h15, 15/09/2018.

<http://www.duytien.gov.vn/?TinTuc=8190&fbclid=IwAR2IE2vpE16cLOWChCaPRlhBLJIU5SAiZ/>

37. “Chùa Long Đọi Sơn (Hà Nam) - Linh thiêng cổ tự”, 16/4/2012,

<https://baomoi.com>, 10h00, 15/09/2018.

<https://baomoi.com/chua-long-doi-son-ha-nam-linh-thieng-co-tu/c/8273779.epi/>

38. “Chùa Đọi Sơn – Di tích Quốc gia đặc biệt”, 5/2/2018,

<http://hanam.gov.vn>, 10h15, 15/09/2018.

<http://hanam.gov.vn/svhttdl/Pages/chua-doi-son-di-tich-quoc-gia-dac-biet.aspx/>

39. “Chùa Long Đọi Sơn - điểm du lịch văn hóa tâm linh”, 5/7/2017,

<http://hanam.gov.vn>, 10h45, 15/09/2018.

<http://hanam.gov.vn/svhttdl/Pages/Chua-Long-%C4%90oi-Son---%C4%91iem-du-lich-van-hoa-tam-linh350993611.aspx/>

40. Văn Đức, “Hà Nam: Tấm bia cổ gần 900 năm tuổi ở chùa Long Đọi Sơn”, 21/8/2017, <https://dantri.com.vn>, 11h00, 15/09/2018.

<https://dantri.com.vn/van-hoa/tam-bia-co-gan-900-nam-tuoi-o-chua-long-doi-son-2017082110550376.htm/>

41. “*Di Tích lịch sử: Chùa Long Đọi Sơn*”, 21/7/2017, <http://huddt.vn/duy-tien-introduce>, 11h30, 15/09/2018.
<http://huddt.vn/duy-tien-introduce/di-tich-lich-su-chua-long-doi-son-95.html/>
42. Nguyễn Hữu, Bảo Nam, “*Chùa Long Đọi Sơn- nơi lưu giữ dấu tích thời Lý*”, 7/9/2016, <http://baotanglichsu.vn>, 8h00, 16/9/2018.
<http://baotanglichsu.vn/chua-long-doi-son-noi-luu-giu-dau-tich-thoi-lydr.html/>
43. “*Di tích đặc biệt cấp quốc gia chùa Đọi Sơn*”, 5/6/2018, baohanam.com.vn, 9h, 16/9/2018.
<http://baohanam.com.vn/que-huong-nui-doi-song-chau/di-tich-dac-biet-cap-quoc-gia-chua-doi-son-8272.html/>
44. “*Hà Nam: Lễ hội chùa Đọi Sơn*”, 17/4/2017, <http://m.phatgiao.org.vn>, 9h30, 16/9/2018.
<http://m.phatgiao.org.vn/phat-su-dia-phuong/201704/Ha-Nam-Le-hoi-chua-doi-Son-26543/>

PHỤ LỤC

1. Một số hình ảnh chùa Đọi Sơn



Tam Quan chùa Đọi Sơn

(Nguồn: tác giả chụp)



Dãy hành lang thờ các vị La Hán

(Nguồn: tác giả chụp)



Nhà bia Sùng Thiện Diên Linh
(*Nguồn: tác giả chụp*)



Một lối dẫn vào chùa

(Nguồn: tác giả chụp)



Vườn tháp

(Nguồn: tác giả chụp)



Tác giả dự lễ khai hội chùa Long Đọi Sơn

2. Đường đi đến di tích

Du khách có thể đến chùa Long Đọi Sơn theo các đường sau:

2.1. Đường bộ

- Từ Thủ đô Hà Nội đi theo đường cao tốc Pháp Vân- Cầu Giẽ, đến nút giao Vực vòng rẽ xuống quốc lộ 38 đến thị trấn Hòa Mạc (2,5km) theo tỉnh lộ 9710 khoảng 5km là tới nơi.
- Từ thành phố Nam Định đi quốc lộ 21B tới nút giao Liêm Tuyền (2,5km) rẽ phải theo tỉnh lộ 975 đến cầu Câu Tử, qua cầu theo tỉnh lộ 970 khoảng 3km là tới di tích.
- Từ thành phố Phủ Lý đi theo đường tỉnh lộ 974 về cầu Câu Tử, qua cầu theo tỉnh lộ 970 khoảng 3km là tới di tích.
- Từ thành phố Hưng Yên, qua cầu Yên Lệnh về thị trấn Hòa Mạc, theo tỉnh lộ 9710 khoảng 5km là tới di tích.

2.2. Đường sắt

Từ ga Hà Nội qua ga Đồng Văn, xuống tàu di chuyển xe buýt về thị trấn Hòa Mạc, Duy Tiên, theo tỉnh lộ 9710 khoảng 5km là tới di tích.

2.3. Đường thủy

Từ Nam Định và Hà Nội có thể đi bằng đường thủy theo sông Hồng đến bến Yên Lệnh tới thị trấn Hòa Mạc, theo tỉnh lộ 9710 khoảng 5km là tới di tích.